



**NAM MÔ ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT**

**NAM MÔ ĐỊA TẠNG BỒ TÁT MA HA TÁT**

Đời Tùy Tam Tạng Pháp Sư: BỒ ĐỀ ĐĂNG Người nước Ấn Độ dịch Phạn Văn ra  
Hán Văn.

Việt dịch: THÍCH THIÊN THÔNG

**KINH CHIÊM SÁT  
THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO**

## LỜI TỰA

Kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo Thiện Ác, còn gọi là Kinh Địa Tạng Bồ Tát Nghiệp Báo, gồm hai quyển, do Ngài Bồ Đề Đãng người nước Ấn Độ dịch ra Hoa ngữ vào đời nhà Tùy, được thu vào tập thứ 17 trong Đại Tạng Đại Chánh Tân Tu của Nhật Bản.

Kinh này do Đức Bồ Tát Địa Tạng, vì chúng sinh đời Mạt Pháp, cầu học Pháp lành, ứng với lời dạy của Phật mà nói ra. Quyển thượng nói rõ cách “chiêm quẻ” để xem xét nghiệp báo thiện ác, quyển hạ thuật rành nghĩa chân thật của Đại thừa.

Chiêm sát tức là dùng tướng mộc luân (những mảnh gỗ) gieo quẻ để biết nghiệp thiện, nghiệp ác, cùng quả báo khổ vui, lành dữ đời trước và đời này cho một người nào đó. Cách làm mộc luân là: Đem mười điều thiện và mười điều ác phân biệt ra và khắc chữ ở trên mười mảnh gỗ nhỏ thành nhóm thứ nhất. Viết ba chữ Thân, Khẩu, Ý trên ba mảnh gỗ khác, có khắc nét dài, ngắn, sâu, cạn, lớn nhỏ thành nhóm thứ hai. Viết chữ số từ 1 đến 18 trên sáu mảnh gỗ khác nữa (mỗi mảnh gỗ chỉ ba mặt còn chừa một mặt trống) thành nhóm thứ ba. Đem gieo từng nhóm trên vật sạch, do những mộc luân đó hiện ra những chữ có số gì, rồi theo đó mà xem xét việc lành dữ tốt xấu, hoặc nhân quả đời trước, đời này v.v... đó là nội dung quyển thượng. Tuy về hình thức là chiêm bói, nhưng thực chất lại khác xa muôn trùng đối với những việc chiêm bói của thế gian. Tại sao vậy? Bởi vì, cách chiêm bói này đòi hỏi người thực hành phải là đệ tử của Phật, thuộc thành phần xuất gia, tại gia, có quy y thọ giới hẳn hoi, và trước khi muốn chiêm sát, phải biết cúng dường Tam Bảo, sám hối, phát nguyện, tùy hỷ, hồi hướng v.v... Có được đức tin thuần túy thanh tịnh rồi, thì sự chiêm sát thiện ác mới tương ứng với bi nguyện chỉ dẫn của chư Phật, Bồ Tát và Ngài Địa Tạng, khi đó những điều cần cầu mới ứng nghiệm và chính xác. Không đủ những yếu tố này, việc chiêm sát sẽ không tương ứng. Lại nữa, khi thực hành đúng theo lời dạy của Đức Địa Tạng Bồ Tát và việc mình muốn xem xét, được hiện ra kết quả rõ ràng, phải biết đó là duy tâm sở hiện, cũng chính là một phần mảnh mún nơi Thể, Tướng, Dụng của chân tâm chúng ta.

Quyển Hạ Kinh này chỉ dạy về Pháp quán như thế nào để đúng với nghĩa thật của Đại thừa. Nghĩa là, người muốn hướng về Đại thừa để tu học, trước tiên cần phải biết hạnh căn bản ban sơ, đó là cảnh giới của Nhất thật tướng. Nhất thật tướng này được tóm nêu bằng hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là Tâm chân như. Nghĩa thứ hai là Thức A lại da. Tâm chân như là cái thể bất sinh bất diệt của tất cả các Pháp. Thức A lại da là nghĩa sinh diệt của tất cả các Pháp. Học tập quán này, có hai đường lối quán sát, ấy là Pháp quán duy tâm thức và Pháp quán thật tướng trung đạo của chân như. Người nào nương vào một trong hai Pháp quán này mà tiến tới, tức có thể trực nhận ra Nhất thật tướng, được mệnh danh là tu đúng Pháp Đại thừa, sẽ dự vào chủng tính Bồ Tát. Vị nào không kham nổi việc tu tập hai Pháp quán nói trên, hãy niệm danh hiệu Đại Bồ Tát Địa Tạng, cầu sinh về Tịnh độ của chư Phật ở các phương khác, hoặc tùy một Đức Phật ở phương nào, xoay về hướng ấy mà niệm danh hiệu của Ngài, đến khi được nhất tâm, sẽ tùy nguyện sinh cõi Phật đó, rất ráo sẽ không rơi

vào các đường ác, tám chỗ nạn, sẽ thành tựu đức tin về Đại thừa mau được bất thoái chuyển.

Như trên là nội dung tóm tắt hai quyển của bộ Kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo Thiện Ác. Đức Đại Bồ Tát Địa Tạng, vì thương xót chúng sinh đời Mạt Pháp, mà đã thay Phật chỉ dạy rành rẽ mọi điều.

\*

\* \*

Ở Trung Hoa, từ đời nhà Tùy trở lại đây, những người căn cứ theo bản Kinh này để thực hành Pháp sám tội, số ấy rất nhiều, đủ cho thấy tập tục dân gian của Trung Quốc với tư tưởng Phật giáo một mực kết hợp với nhau. Có điều là, từ đời Tùy đến trước đời Đường, Kinh này bị một số học giả xem là ngụy tạo, vì cho rằng xuất xứ của Kinh không được rõ ràng. Đến đời Đường, niên hiệu Đại Châu, những nhà Sư định mục lục các Kinh Phật, với bộ Khai Nguyên Thích Giáo Lục, mới xem Kinh này là chân Kinh, và thâu vào mục lục các Kinh trong Đại Tạng, sự truyền bá có hơi rộng rãi kể từ đó.

Đến đời Minh, có Ngài Trí Húc Đại Sư trước tác một quyển tựa đề là “Huyền Nghĩa Kinh Chiêm Sát”, hai quyển “Chiêm Sát Nghĩa Số” và một quyển “Chiêm Sát Hành Pháp” (Cách thực hành việc chiêm sát). Bốn quyển trên đều là chú sớ bộ Kinh này (theo tài liệu Lịch Đại Tam Bảo Ký quyển 12). Cận đại đây cũng có Ngài Luật Sư Hoàng Nhất, trong khi viết quyển Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan. (Nhìn chung về Thánh đức của Bồ Tát Địa Tạng), đã trích dẫn Kinh Chiêm Sát này rất nhiều, và đề cao bi nguyện độ sinh của Đức Địa Tạng Đại Bồ Tát, đối với chúng sinh ở cõi Ta Bà.

Ngày nay hàng ngũ xuất gia tại gia như chúng ta, đang ở vào thời kỳ Mạt Pháp, tức thời kỳ giáo Pháp của đức Phật đang suy vi, tà pháp đang lừng lẫy, điều đó rất hiển nhiên, không thể phủ nhận. Tuy rất nhiều vị phát tâm trời vượt, cầu Vô thượng Bồ Đề, và tu theo các môn thiền định của Phật giáo, nhưng số người đạt được thành quả không phải là đa số, mà hầu như rất hiếm hoi; Phải chăng đều do túc thế thiện căn còn mong manh yếu ớt, mà nghiệp chướng và tội nặng hiện tại và quá khứ lại sâu dày, cho nên thường bị nhiều điều chướng nạn, hoặc bị sự nhiễu loạn bởi các thứ quỷ thần của 95 phái tà sư ngoại đạo khiến cho lui mất căn lành, hoặc trở lại cầu phước báu nhỏ mọn ở thế gian, như Đức Bồ Tát Địa Tạng đã dạy trong Kinh này.

Cũng vì những nguyên nhân đó, đức Đại Bồ Tát khởi lòng đại bi vô tận, chỉ dạy cách chiêm sát nghiệp báo thiện ác, để người tu hành tự biết túc căn của mình, sau đó chọn lựa Pháp tu cho hợp với căn cơ trình độ, ngõ hầu thoát khỏi sự phá hoại của các thứ ma tà. Thế nên, những đệ tử Phật, khi xem đến, hoặc nghe nói đến việc chiêm bói, chớ vội khinh thường, cho rằng Phật Pháp pha trộn với hình thức bói quẻ của thế gian.

Với hình thức một bộ mộc luân gồm 19 mảnh gỗ, chia làm ba nhóm, nhóm đầu gồm 10 cái, thâm nhiếp tất cả thập thiện thập ác. Nhóm giữa ba mảnh thâm nhiếp nghiệp thiện ác sâu cạn riêng biệt thuộc Thân, Khẩu, Ý, nhóm sau 6 mảnh thâm nhiếp sáu căn, sáu trần, sáu thức thuộc 18 giới, với 189 hiện tượng của phàm Thánh thế gian và xuất thế gian; Như vậy đủ thấy Kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo Thiện Ác này thật bất khả tư nghì, không một loại bói khoa nào có thể sánh kịp. Riêng về thật nghĩa của Đại thừa thì cũng được Bồ Tát Địa Tạng giảng giải một cách tinh vi sâu thẳm nơi quyền hạ. Nếu đem luận Đại Thừa Khởi Tín của Bồ Tát Mã Minh đã tạo để so sánh, ta sẽ thấy rằng, những nghĩa căn bản của Luận Khởi Tín, phần lớn đều ở trong Kinh này, thế thì Kinh này đã tóm tắt dạy về ý nghĩa trọng yếu của đạo lý nhất thừa vậy.

\*

Vì nhân duyên nào chúng tôi dịch Kinh này ?

Xin thành thật thưa rằng: Từ trước đến nay, các bản Kinh Hoa ngữ lưu hành ở Việt Nam rất nhiều, nhưng bộ Kinh Chiêm Sát này chưa thấy lưu thông, lại cũng ít khi được nghe nói đến. Nay tình cờ một nhân duyên nào đó thúc đẩy, khiến cho một Phật tử người Đài Loan, khi qua làm ăn ở Việt Nam, đầu năm Bính Tý 1996, đã đem theo bộ Kinh này, với hộp mộc luân được khắc chạm mạ vàng rất tinh xảo công phu, có cả bản chỉ dẫn phương pháp sử dụng 19 mộc luân để chiêm sát. Cư sĩ muốn tìm người dịch ra Kinh này để lợi ích cho hàng Phật tử Việt Nam. Sau một thời gian mấy tháng tìm không được người, ông thổ lộ với một Phật tử Việt Nam rằng: “Muốn đem bộ Kinh và hộp mộc luân này về Đài Loan” Người Phật tử kia giới thiệu đến chúng tôi, ông vui lòng trao lại bản Kinh và hộp mộc luân, với hy vọng tôi có thể dịch bộ Kinh này.

Sau khi nhận bản Kinh, đầu tháng tư năm nay 1996, tôi khởi sự dịch hằng ngày, mặc dù trong mùa Phật đản và an cư kiết hạ, với nhiều bận rộn, tôi cũng cố gắng hết sức mình, đến cuối tháng tư thì xong hai quyển, với phần chú thích những từ ngữ khó, và bản chỉ dẫn phương pháp sử dụng mộc luân, để những vị tu sĩ, cư sĩ Phật tử Việt Nam bớt khó hiểu trong khi sử dụng đến.

Sau khi bản thảo hoàn thành, tôi gửi đến vị cư sĩ Đài Loan nọ để ông xem thử, Cư sĩ rất vui mừng và phát biểu rằng: “Bản dịch của chúng tôi không trái với nội dung của Kinh”, như thế, nguyện vọng của ông đã thỏa mãn. Phải chăng đây đều do thần lực của đức Bồ Tát Địa Tạng gia bị hộ trì, khiến cho tôi làm được việc này. Tôi thâm tin tưởng như vậy, xin ghi lại nơi đây, để gửi đến chư vị có nhân duyên đọc và sử dụng Kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo Thiện Ác này.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Tháng Trong Hạ, mùa An cư năm Bính Tý 1996.

Dịch giả kính ghi

# KINH CHIÊM SÁT

## NGHIỆP BÁO THIÊN ÁC

### Quyển Thượng

Đời Tùy Tam tạng Pháp Sư: BỒ ĐỀ ĐĂNG Người nước Ấn Độ, dịch Phạn Văn ra Hán văn.

Việt dịch: THÍCH THIỆN THÔNG

Tôi nghe như vậy: Một thời đức Phật, Đấng Nhất Thiết Trí, ở thành Vương Xá, trong núi Linh Thứu, dùng sức thần thông, thị hiện đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm, rộng rãi vô ngại, cùng với vô lượng vô biên đại chúng câu hội, diễn nói Pháp môn Căn Tụ (1) rất sâu.

Bấy giờ trong hội có một Bồ Tát, tên là Kiên Tịnh Tín (2) từ tòa đứng dậy, sửa lại y phục, vén áo vai mặt, cung kính chấp tay, bạch lên đức Phật:

Kính bạch Thế Tôn! Nay con ở giữa chư đại chúng đây, muốn có chỗ hỏi, thưa thỉnh Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn rủ lòng cho phép?

Đức Phật dạy rằng:

Này thiện nam tử! Tùy chỗ ông hỏi, Như Lai có thể giải nói cho ông.

Ngài đại Bồ Tát Kiên Tịnh Tín thưa:

Như đức Thế Tôn trước đây có nói: “Ta nhập diệt rồi, đến sau thời kỳ Chính Pháp chấm dứt (3) Tượng Pháp sắp hết (4) sang thời Mạt Pháp (5) vào thời kỳ này, chúng sinh phước mỏng, nhiều sự suy buồn, quốc độ xảy ra rối loạn hoài hoài, tai họa nhiều lần nổi lên khắp nơi, (6) đủ thứ ách nạn, toàn những sợ sệt bức xúc chúng sinh. Đệ tử Như Lai, đa số đánh mất niệm lành của mình, chỉ nuôi lớn thêm tham, giận, ganh tỵ, ngã mạn v.v... Giả sử có người, làm được những điều, giống như thiện Pháp, (7) thì cũng chỉ cầu lợi dưỡng tiếng khen theo người thế gian, lấy đó làm đích, chẳng thể chuyên tâm tu Pháp xuất yếu (8) trong thời kỳ này, chúng sinh khắp nơi, nhìn thấy trong đời tai biến loạn ly, lòng họ khiếp nhược, lo sợ thân mình và những quyền thuộc chẳng được áo cơm để nuôi thân mạng. Do những nhân duyên đầy dẫy các thứ chướng ngại như thế, cho nên đối với Chính Pháp của Phật, căn tính của họ, trở nên chậm lụt, đức tin ít ỏi, người chứng được đạo cực kỳ hiếm có, đến đời lần lần, đời với Ba thừa, những người thành tựu đức tin căn bản lại cũng rất hiếm. Những người tu học thiên định thế gian, mà phát sinh những năng lực thần thông, như biết kiếp

trước của mình v.v... lần lượt chẳng còn. Vào thời Mật Pháp, lâu xa như vậy, người chứng đạo quả, người được đức tin, người được thiên định, thần thông v.v... hoàn toàn không có..."(9).

Kính bạch Thế Tôn! Con vì thời đại ác trước sau này, khi Tượng Pháp sắp hết, và vì chúng sinh căn lành nhỏ nhoi trong thời Mật Pháp, xin hỏi Như Lai, bày phương tiện nào, mở mang chỉ dẫn hàng đệ tử Phật, khiến sinh lòng tin, được trừ suy buồn? Bởi các chúng sinh, gặp thời đại ác, nhiều chướng ngại nên họ thoái tâm lạnh. Đối với nhân quả của Pháp thế gian và Pháp xuất thế, phần nhiều nghi ngờ, chẳng thể bền lòng, chuyên cầu thiện Pháp, chúng sinh như vậy đáng thương đáng cứu.

Tâm đại từ bi của đức Thế Tôn bao la vô tận, trí biết tất cả, xin khởi phương tiện, dạy rõ điều này, khiến lìa lưới nghi, trừ các chướng ngại, thêm được đức tin, nương theo các thừa mà mau được giải thoát.

Đức Phật bảo ngài Kiên Tịnh Tín rằng:

Lành thay! Lành thay! Ông hỏi việc này hay lắm, rất vừa ý ta! Nay trong hội này, có đại Bồ Tát tên là Địa Tạng, ông nên đem việc này, thưa hỏi với Người. Vị Bồ Tát ấy sẽ vì ông mà dựng lập phương tiện, mở bày diễn nói, để ông mãn nguyện.

Khi đó Bồ Tát Kiên Tịnh Tín bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Như Lai là đấng đại trí vô thượng, ý gì đức Phật chẳng nói, lại muốn để cho Bồ Tát Địa Tạng diễn nói việc này?

Đức Phật bảo Ngài Kiên Tịnh Tín:

Ông chớ có sinh tư tưởng cao hạ, Bồ Tát Địa Tạng, từ khi phát tâm tu hành đến nay, đã hơn vô lượng vô biên bất khả tư nghĩ A tăng kỳ kiếp, từ lâu Người đã chứng vào biển Nhất Thiết Trí, công đức tràn đầy, chỉ vì nương sức đại tự tại và thệ nguyện xưa mà khéo hóa hiện, ứng thân mười phương. Dù rằng đạo khắp tất cả cõi nước, khởi dụng độ sinh, nhưng với đời ác năm trước, riêng Người là làm lợi ích giáo hóa sâu dày hơn cả. Lại cũng nương sức huân tập, thệ nguyện thuở xưa, mà Người nhận lấy sự nghiệp giáo hóa chúng sinh có nhân đáng độ.

Bồ Tát Địa Tạng, từ mười một kiếp trở lại đây, luôn luôn trang nghiêm thế giới Ta Bà, thành thực chúng sinh, do đó, trong đại hội này, thân tướng của Người đoan nghiêm, oai đức thù thắng. Chỉ trừ Như Lai, ngoài ra không ai có thể hơn nổi. Và lại bao nhiêu sự nghiệp giáo hóa nơi thế giới này, trừ những vị Đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi, Quán Thế Âm, ngoài ra không ai có thể sánh kịp. Cũng bởi bản thệ và nguyện lực xưa của Bồ Tát này, là nhanh chóng thỏa mãn tất cả nguyện cầu của khắp chúng sinh, hay diệt tất cả tội nặng, hay trừ các thứ chướng ngại cho khắp chúng sinh, để họ hiện đời được sự an ổn.

Lại nữa, Bồ Tát Địa Tạng, được mệnh danh là “Đấng khéo nói Pháp an ủi chúng sinh” Nghĩa là khéo nói những Pháp rất sâu có thể mở mang, dẫn dắt những người vừa mới tu học, phát khởi ý chí cầu Pháp Đại thừa, khiến chẳng khiếm nhược. Bởi

những nhân duyên như vậy cho nên, nơi thế giới này, chúng sinh khát ngưỡng, chịu sự giáo hóa, đặc độ của Người, do đó mà ta để cho Người nói.

Khi ấy, Bồ Tát Kiên Tĩnh Tín đã hiểu được ý của Phật, ngay đó Ngài liền mở lời khuyên thỉnh đức Địa Tạng rằng:

- Hay thay đấng Đại Sĩ cứu đời! Hay thay đấng Đại Trí khai đạo! Như điều tôi hỏi về những chúng sinh trong đời ác trước, dùng phương tiện gì giáo hóa chỉ dẫn, cho họ lìa khỏi các thứ chướng ngại, được vững niềm tin? Nay đức Như Lai muốn để cho Ngài nói phương tiện đó, xin Ngài phải thời, thương xót nói cho.

Lúc đó Ngài Đại Bồ Tát Địa Tạng nói với Ngài Kiên Tĩnh Tín rằng:

- Nay thiện nam tử! Hãy khéo lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói:

- Thời gian sau khi đức Phật diệt độ, trong đời ác trước, những vị Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni, nam nữ cư sĩ, đối với những điều nhân quả thế gian và xuất thế gian, như chưa có được đức tin quyết định, chẳng thể tu học về tướng vô thường, về ý tướng khổ, ý tướng vô ngã, ý tướng bất tịnh... Những Pháp quán ấy chẳng thể thành tựu, chẳng thể siêng năng quán bốn Thánh đế, hoặc là Pháp quán mười hai nhân duyên, hoặc là những Pháp quán bất sinh bất diệt... Do chẳng siêng quán những Pháp như vậy, cuối cùng chẳng thể không tạo tội lỗi, thuộc mười điều ác căn bản. Đối với công đức của Phật, Pháp, Tăng, và những cảnh giới nhiệm màu của ngôi Tam Bảo, chẳng hay chuyên lòng tin tưởng sâu sắc, đối trong ba thừa, đều không định hướng... Những hạng người trên, nếu có bất cứ thứ chướng duyên nào, thì mỗi lo lắng càng thêm tăng trưởng, hoặc nghi, hoặc hối. Đối với mọi điều, tâm chẳng sáng tỏ, cầu nhiều, lo nhiều, lảm chuyện rằng buộc, làm việc bất định, tư tưởng rối loạn, phé tu đạo nghiệp.

Hàng đệ tử Phật, người nào có sự chướng nạn như thế, nên dùng phương pháp xem Tướng Mộc Luân (10) mà chiêm nghiệm xét nét. Nghiệp nhân tốt xấu của những đời trước, cũng như những sự khổ vui lành dữ

hiện tại đời này, duyên hợp mà có, duyên hết thì tan, nghiệp nhóm theo tâm, tướng hiện quả khởi, chẳng mất, chẳng hư, tương ứng với nhau, không hề sai lạc. Hãy nên như vậy, chiêm nghiệm kỹ càng nghiệp báo tốt xấu, rồi tự nhắc nhở nơi lòng của mình. Đối với việc nào có chỗ nghi ngờ, thì lấy theo đó quyết định rõ rệt.

Là đệ tử Phật, hãy nên học tập phương pháp Chiêm Sát Tướng Mộc Luân này, hết lòng nương theo việc được xem xét, thì không điều nào mà chẳng thành tựu. Chẳng nên vứt bỏ phương pháp nói trên, trở lại theo đuổi những thứ bói quẻ, hoặc là những



việc chiêm tướng lành dữ của người thế gian, rồi sinh ham đắm, ưa thích học tập. Nếu thích học tập, thì rất chướng ngại Thánh đạo Bồ Đề.

- Nay thiện nam tử! Muốn học cách làm Tướng Mộc Luân thì, trước phải khắc gỗ, cỡ như ngón út, dài dưới một tấc (11) chính giữa mảnh gỗ, bốn mặt bằng nhau, đầu hai

mảnh gỗ, nhọn dần dần ra, giữa tay gieo qua chỗ sạch bên cạnh, khiến cho chuyển đổi, nhân vì nghĩa này mệnh danh là Luân. Lại nương tướng này, có thể phá hồng lưới nghi chấp tà trong tâm chúng sinh, chuyển sang đường chính, đến chốn an ổn, nên gọi là Luân (12).

Về Tướng Mộc Luân, thì có tất cả ba thứ khác nhau. Thế nào là ba?

- Một là Luân tướng biểu thị nghiệp chủng thiện ác sai biệt đã tạo đời trước. Luân này có mười.

- Hai là Luân tướng biểu thị nghiệp chủng chứa nhóm trong những đời trước, hoặc xa hoặc gần, tạo nghiệp mạnh yếu, lớn nhỏ khác nhau, Luân này có ba.

- Ba là Luân tướng biểu thị thọ báo, sai biệt cả trong ba đời, Luân này có sáu.

Như muốn xem xét những nghiệp ác sai biệt đã tạo đời trước, thì phải khắc gỗ ra làm mười Luân, y mười Luân này viết ghi danh từ của mười thiện nghiệp, cứ mỗi thiện nghiệp, chú ở một luân, ghi ở một mặt. Kế lấy mười ác nghiệp, viết đối diện lại với mười thiện nghiệp, khiến cho cân đối, mỗi luân cũng ghi ở tại một mặt.

Về mười thiện nghiệp chính là cội rễ tất cả điều thiện, có thể tóm nhiếp tất cả thiện Pháp khác.

Về mười ác nghiệp, cũng là cội rễ tất cả điều ác, có thể tóm nhiếp tất cả ác Pháp khác. Nếu muốn chiêm quẻ Tướng Mộc Luân này, trước hết phải học sự dốc lòng thành, lễ chung tất cả chư Phật mười phương, nhân đó lập nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sinh mười phương, đều được nhanh chóng gần gũi cúng dường, thừa hưởng lãnh nhận Chính Pháp của Phật. Kế đó nên học sự dốc lòng thành, kính lạy mười phương tất cả Pháp tạng, nhân đó lập nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sinh mười phương, đều được nhanh chóng thọ trì đọc tụng, tu hành đúng Pháp, vì người dẫn nói. Kế nữa phải học sự dốc lòng thành, kính lạy mười phương tất cả Hiền Thánh, nhân đó lập nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sinh mười phương, đều được nhanh chóng, gần gũi cúng dường, phát tâm Bồ Đề, đến bất thoái chuyển. Sau đó nên học sự dốc lòng thành, kính lạy nơi Ta, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, nhân đó lập nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sinh mười phương, mau được trừ diệt đi nghiệp ác, lìa các chướng ngại, những vật nuôi thân đều được đầy đủ.

Lạy như thế rồi, tùy chỗ có được hương hoa v.v... nên sắm cúng dường, trong khi cúng dường, hành giả phải nên nhớ nghĩ tất cả Phật, Pháp, Tăng Bảo, thể thường

khắp giáp, hiện hữu khắp nơi. Nguyên cho những món hương hoa dâng cúng, đồng với Pháp tính, xông khắp tất cả cõi nước mười phương của các đức Phật, rộng làm Phật sự.

Lại nghĩ mười phương tất cả món cúng, lúc nào cũng có. Nay tôi sẽ dùng tất cả những thứ hoa hương, chuỗi ngọc, tràng phan, bảo cái, những món trân quý, các thứ âm nhạc, đèn đuốc sáng tỏ, món ăn, thức uống, y phục, mền nệm, thuốc thang v.v... cho đến bao nhiêu những món trang nghiêm cúng dường tận khắp mười phương, mà mình có thể hình dung nhớ tưởng, đều cùng chung với tất cả chúng sinh, dâng hiến cúng dường. Lại nên nghĩ đến người nào sắm sửa những món cúng dường trong các thế giới, ta đều tùy hỷ, người nào chưa thể sắm sửa cúng dường, nguyện được dẫn dắt tu Pháp cúng dường.

Lại nguyện thân ta, có thể nhanh chóng, đến khắp tất cả cõi nước mười phương, ở mỗi mỗi chỗ Phật, Pháp, Tăng Bảo, đều dùng tất cả những món trang nghiêm, với khắp chúng sinh, đồng đem dâng hiến, cúng dường tất cả Pháp thân, sắc thân, xá lợi, hình tượng, chùa viện, tháp miếu, tất cả Phật sự của các đức Phật. Cúng dường tất cả bao nhiêu tạng Pháp và chỗ thuyết Pháp. Cúng dường tất cả chư Hiền Thánh Tăng, nguyện con cùng với tất cả chúng sinh, tu hành cúng dường như thế xong rồi, lần lần thành tựu sáu ba la mật, bốn vô lượng tâm, biết sâu các Pháp xưa nay vắng lặng, không sinh, không diệt, nhất vị bình đẳng (13), lìa niệm, thanh tịnh, rốt ráo tròn đầy.

Lại một lần nữa buộc tâm một chỗ, riêng cúng dường Ta, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, bằng cách xưng danh, hoặc tụng niệm thầm, nhất tâm xưng rằng: Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Xưng danh như vậy đủ một nghìn lần. Qua một nghìn niệm rồi, bạch lời như vậy: Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát! Đại từ đại bi, cúi mong Bồ Tát hộ niệm cho con và tất cả chúng sinh, mau trừ các chướng, thêm lớn đức tin thanh tịnh, khiến cho những điều xem xét hiện nay, khế hợp tương xứng đối với sự thật...

Nói lời ấy rồi, sau đó tay cầm mộc luân (14) ở trên vật sạch, gieo qua một bên. Cách thức như thế, muốn xem cho mình, hoặc xem cho người, cũng đều như vậy, người xem nên biết.

Người muốn chiêm sát tướng mộc luân đây, tùy nghiệp được hiện, đều phải mỗi mỗi quan sát kỹ lưỡng suy tư nghiệm xét. Hoặc là thuần đủ cả mười điều thiện, hoặc là thuần đủ cả mười điều ác, hoặc thiện ác xen lẫn, hoặc thuần thiện chẳng đủ, hoặc thuần ác chẳng đủ. Nghiệp nhân như vậy, giống loại chẳng đồng, tập khí, quả báo mỗi thứ mỗi khác, như đức Thế Tôn đã nói rộng rãi nơi nhiều Kinh khác. Phải nên nhớ nghĩ, suy ngẫm quan sát nghiệp chủng được hiện, cùng với những việc quả báo khổ vui, lành dữ trải qua trong hiện đời này, như tương xứng với nghiệp tập phiền não (đang nhận), đó mệnh danh là khế hợp. Nếu chẳng tương xứng, phải biết đó là chẳng hết lòng thành, mà là luống sai.

- Nếu chiêm tướng mộc luân, mà nghiệp thiện, nghiệp ác đều chẳng hiện ra, thì người này đã chứng tâm sáng suốt của trí vô lậu. Hãy nên chuyên cầu xuất ly thế

Pháp, chớ ưa nhận lại quả báo thế gian, những nghiệp hữu lậu, lần lượt nhỏ yếu, chẳng còn tăng trưởng, cho nên chẳng hiện.

Trường hợp thuận thiện chẳng đủ, thuận ác chẳng đủ thì hai hạng người này, những gì về nghiệp thiện, nghiệp ác của họ chẳng hiện, đều là nhỏ yếu, chưa dẫn đến quả, do đó chẳng hiện.

- Nếu đời sau này, những vị đệ tử của đức Như Lai, một khi chiêm nghiệm quả báo thiện ác, được tương ưng rồi, đối với những món thuộc năm thứ dục (15), khi được xúng ý, chớ tự dễ duôi, rồi khởi buông lung, liền nên xét nghĩ “Ta được như vậy, là do thiện nghiệp đã tạo đời trước, cho nên ngày nay được phước báo này, nay ta càng phải tiến tu thêm nữa, chẳng nên dừng nghỉ”. Nếu gặp ách nạn, hoặc là những sự suy não chẳng lành, rối rắm, lo sợ, chẳng được vừa ý, phải nên cam chịu, chớ nên nghi hối mà thoái tu thiện nghiệp, liền nên xét nghĩ: “Nghiệp ác thế này, chỉ do đời trước ta đã gây tạo, cho nên bây giờ mắc báo như thế. Nay ta phải nên sám hối ăn năn những nghiệp ác đó, cũng như chuyên tu Pháp môn đối trị và tạo nghiệp lành thêm, không được dừng lại hay biếng lười phóng túng, nếu chẳng như thế, chỉ càng thêm sự chứa nhóm các thứ khổ tụ mà thôi...”

Trên đây gọi là phương pháp Chiêm sát bằng Tướng Mộc Luân, thuộc cách thứ nhất.

- Thiện nam tử! Nếu muốn chiêm sát nghiệp được chứa nhóm xa gần, trong đời quá khứ về trước, những nghiệp đã tạo, mạnh yếu, lớn nhỏ sai khác thế nào, lại nên khắc gỗ ra làm ba luân, biểu thị ba nơi: Thân, Khẩu, Ý. Mỗi luân chủ một nơi, viết chữ vào đó. Lại nơi mỗi luân, chính giữa một mặt, viết vào đường gạch, hơi lớn và dài, cho đến chí mí. Kế mặt thứ ba, rạch một nét khác, hơi to và sâu. Đến mặt thứ tư cũng khắc một nét cho lớn và cạn.

Cần nên biết rằng, nghiệp thiện trang nghiêm, cũng tương tự như vẽ vờ tô điểm. Nghiệp ác suy hại, giống như gạch bỏ.

Gạch nào dài lớn, tượng trưng cho sự chứa thiện vốn đã từ lâu trở lại, thiện nghiệp đã làm, mạnh mẽ bén nhạy, việc làm tăng thêm.

Gạch nào nhỏ ngắn, tượng trưng cho sự chứa thiện trở lại, vốn còn gần, cạn, chỉ mới tập tành, nền tảng chậm chạp, việc làm mỏng manh.

Nét khắc nào mà, vừa to vừa sâu, tượng trưng cho những tập quán xấu ác, từ lâu trở lại, việc làm tăng thêm, dư họa cũng dày.

Nét khắc nào mà, vừa to vừa cạn, tượng trưng cho sự thoái tu thiện Pháp, trở lại đây gần, mà mới tập tành theo những ác pháp, những nghiệp đã tạo, cũng chưa đến nỗi tăng thượng lên lắm. Hoặc là dù có khởi nghiệp ác nặng, nhưng từng hồi cải, đó được gọi là những điều ác nhỏ.

- Nay thiện nam tử! Nếu như chiêm sát luân tướng lần đầu, thì chỉ mới biết thiện ác sai biệt đã tạo đời trước, nhưng chẳng thể biết tập quán chứa nhóm lâu xa hay gần, cũng như chưa thể biết nghiệp đã tạo là mạnh hay yếu, hoặc lớn hay nhỏ. Thế nên cần phải, chiêm sát luân tướng lần thứ hai nữa (16).

Nếu như chiêm sát luân tướng lần hai, thì phải căn cứ nghiệp được phát hiện trong luân tướng đầu. Nghĩa là: Nếu thuộc nơi thân thì gieo luân tướng có ghi chữ thân. Nếu thuộc về khẩu, thì gieo luân tướng có ghi chữ khẩu. Nếu thuộc về ý, thì gieo luân tướng có sẵn chữ ý. Chẳng được đem tất cả tướng của ba luân, gieo chung một lần, phải tùy theo nghiệp. Chú ý nên nhớ từng nghiệp thiện ác, căn cứ theo luân thuộc về nghiệp nào thì gieo riêng luân đó, để chiêm cho đúng.

- Lại nữa, nếu trong luân tướng, chiêm lần thứ nhất, chỉ được điều tốt nơi thân, mà trong luân tướng chiêm lần thứ hai, lại được điều xấu nơi thân, như vậy gọi là lòng không chí thành, chẳng được khế hợp, gọi là sai luống.

- Lại nữa, chẳng tương ưng là: trong mười luân tướng xem lần thứ nhất, được nghiệp bất sát (chẳng giết), hay nghiệp thâm đạo (trộm cướp), ý trước chú mục xem nghiệp bất sát, nhưng trong luân tướng chiêm lần thứ hai, được ác nơi thân, đó cũng gọi là chẳng được khế hợp.

- Lại nữa, nếu thấy hiện tại, từ khi sinh ra cho đến bây giờ, chẳng ưa nghiệp sát, không tạo tội giết, chỉ có ý là còn chủ nghiệp sát, nhưng trong luân tướng chiêm lần thứ hai, được thân đại ác, đó cũng gọi là chẳng được khế hợp. Từ đó suy ra, trong nghiệp của khẩu, hay nghiệp của ý, nghĩa chẳng tương ưng lại cũng như vậy, cần phải biết rõ.

Ngài Đại Bồ Tát Địa Tạng lại bảo Ngài Kiên Tịnh Tín:

- Nay thiện nam tử! nếu đời sau này các hạng chúng sinh, muốn cầu thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết; Vừa mới phát tâm tu tập thiền định, trí tuệ vô tướng, cần phải xem trước, nghiệp ác đã tạo trong những đời trước, nhiều ít, nhẹ nặng thế nào, nếu như nghiệp ác nhiều và sâu dày, thì chẳng được học ngay Pháp thiền định, trí tuệ, trước hết cần phải tu Pháp sám hối.

Tại vì sao thế?

- Người này đời trước, tập khí ác tâm mạnh mẽ bén nhọn, cho nên hiện tại, ắt tạo nhiều ác, hủy phạm trọng cấm, cho nên nếu chẳng sám hối, khiến được thanh tịnh, mà lập tức tu thiền định trí tuệ, thì người đó sẽ có nhiều chướng ngại, chẳng thể thành công. Hoặc bị thất tâm, lầm lạc, cuồng loạn, hoặc bị tà ma ngoại đạo quấy rối, hoặc thâm nạp pháp tà, thêm lớn ác kiến, thế nên trước hết, phải tu Sám Pháp. Một khi giới thể đã được thanh tịnh, hay tội nặng đời trước, được nhẹ mỏng rồi, ắt lìa các chướng.

- Thiện nam tử! Hành giả muốn tu Pháp sám hối, thì nên ở chỗ vắng, tùy năng lực mình, mà trang nghiêm một tịnh thất vừa phải, trong thất tôn trí tượng Phật, Bồ

Tát, để Kinh Sám, treo phan lọng lụa, chuẩn bị hương hoa để dùng cúng dường, tắm gội thân thể, giặt sạch y phục, chớ cho hôi hám. Mỗi ngày ba lần, ở trong thất ấy, ba thời xưng niệm danh hiệu sám hối. Một lòng kính lạy bảy đức Phật quá khứ và năm mươi ba đức Phật, kể đó tùy mười phương mà mỗi mỗi lạy chung. Vận tâm lạy khắp nơi có sắc thân Xá Lợi, hình tượng, tháp miếu, và những Phật sự của tất cả chư Phật. Kế lại lạy chung tất cả chư Phật mười phương ba đời.

Lại nên vận tâm, lễ khắp mười phương tất cả Pháp tạng. Lại nên vận tâm, lạy khắp tất cả chư Hiền Thánh Tăng trong khắp mười phương.

Sau đó, riêng xưng danh thêm (17) và đỉnh lễ Ta, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Lễ như vậy rồi, cần phải nói về những tội đã tạo, một lòng ngưỡng bạch:

“Cúi mong mười phương chư Đại Từ Tôn, chúng biết hộ niệm cho con sám hối, chẳng còn tạo lại. Xin nguyện con và tất cả chúng sinh, mau được trừ diệt những tội từ vô lượng kiếp trở lại, mười thứ nghiệp ác, bốn thứ tội nặng, năm tội đại nghịch, tà kiến điên đảo, chê bai Tam Bảo, tội nhất xiển đề v.v...”

Khi đó hành giả lại nên xét nghĩ: tính tội như vậy, chỉ là từ tâm hư vọng, điên đảo mà khởi, không có thật thể nhất định, để có thể nắm bắt và thể của nó vốn là rỗng lặng. Nguyện cho tất cả chúng sinh đều mau thấu đạt bản tâm, diệt hẳn gốc tội.

Kế lại phát lời nguyện khuyến thỉnh: Xin nguyện mười phương tất cả Bồ Tát,

vị nào chưa thành Vô thượng Chính Giác, xin nguyện vị ấy mau thành Chính Giác. Vị nào đã thành, xin nguyện thường trụ mãi trên thế gian, để chuyển Pháp luân, không vào Niết Bàn.

Kế lại phát lời nguyện tùy hỷ:

Nguyện con và khắp tất cả chúng sinh, rớt ráo lia hẳn thứ tâm ganh tỵ, tất cả cõi nước trong khắp ba đời, những người tu học được các công đức và được thành tựu, con đều tùy hỷ.

Kế lại phát lời nguyện hồi hướng:

Nguyện những công đức mà con đã tu, nếu có lợi ích cho khắp chúng sinh, đều xin hồi hướng về Nhất Thiết Trí, đến thành Niết Bàn. Phát những lời nguyện hồi hướng đó rồi, hành giả bước qua bên cạnh tịnh thất, ngồi thẳng nhất tâm hoặc niệm lớn tiếng, hoặc là niệm thầm danh hiệu của Ta. Hành giả phải nên tiết giảm ngủ nghỉ. Nếu bị hôn trầm che mờ tâm tính, thì nên trở vào đạo tràng trong thất, kính hành niệm tụng (Trên đây là nói ban ngày).

Kế đến là phần giờ giấc ban đêm:

- Nếu có đèn nền thấp sáng ban đêm, cũng nên ba thời cung kính cúng dường, sám hối phát nguyện. Nếu chẳng thể sắm đèn nền sáng sủa, phải nên thường trực ở trong

tỉnh thất, một lòng tụng niệm, hằng ngày thực hành Pháp sám như vậy, chớ lười bỏ phé.

Nếu người có sẵn nền tảng thiện nghiệp xa xôi đời trước, mà tạm thời gặp nhân duyên xấu ác, rồi tạo điều ác, thì tội chướng nhẹ, tâm của người ấy mạnh mẽ lạnh lợi, ý lực hùng dũng, trải qua bảy ngày liền được thanh tịnh, trừ các chướng ngại.

Các hạng chúng sinh, nghiệp có dày mỏng, cho nên căn tính có lạnh, có chậm, sai khác không lường. Hoặc có những người, sau hai mươi bảy ngày thì được thanh tịnh. Có người trải qua hai mươi một ngày, cho đến trải qua bốn mươi chín ngày, bèn được thanh tịnh.

Nếu như người nào, quá khứ hiện tại, đều có các thứ tội nặng tăng trưởng, phải qua trăm ngày mới được thanh tịnh, hoặc hai trăm ngày, cho đến trải qua một nghìn ngày sau, mới được thanh tịnh.

Nếu người căn tính cực kỳ chậm lụt, tội chướng sâu nặng, cần phải luôn luôn phát tâm dũng mãnh, chẳng đoái tưởng đến việc tiếc thân mạng, thường xuyên xưng niệm, sớm tối kinh hành, nhiễu quanh tượng Phật giảm bớt ngũ nghịch, lễ sám phát nguyện, vui tu cúng dường, chẳng lười chẳng bỏ, dù cho mất mạng, cũng chẳng dừng thoái. Tinh tấn như thế trong một nghìn ngày, quyết được thanh tịnh.

- Thiện nam tử! Nếu muốn biết được tướng thanh tịnh thì: Bắt đầu từ khi tu hành sám Pháp, qua sau bảy ngày, phải nên mỗi bữa, vào lúc sáng sớm, lấy tướng mộc luân thuộc lớp thứ hai (18) để đủ trong tay, gieo luôn ba lần. Nếu thân, khẩu, ý đều là thuần thiện, người ấy được gọi là thanh tịnh lại.

Về đời sau này, các hạng chúng sinh, người nào có thể tu hành Sám Pháp, thì quá khứ từ trước, lâu xa trở lại, ở trong Phật Pháp, đời nào đã từng tu tập thiện Pháp, tùy người đó tu những công đức gì, thì nghiệp cũng có dày mỏng, đủ thứ khác lạ, do đó những hạng người kia trong lúc được sự thanh tịnh, tướng cũng chẳng đồng.

Hoặc có chúng sinh, khi được ba nghiệp thuần thiện, bèn liền được thêm các thứ tướng hảo.

Hoặc có chúng sinh, khi được tướng trạng ba nghiệp lành vừa, thì trong một ngày đêm, lại thấy ánh sáng đầy thân của mình. Hoặc nghe có mùi hương thơm lạ mà nơi thân ý thoi thới, hoặc có mộng lành, mộng thấy thân Phật đến để chứng minh, tay xoa đầu mình, khen rằng “Lành thay! Người nay thanh tịnh, Ta đến chứng minh cho người”. Hoặc nằm mơ thấy, thân vị Bồ Tát đến để chứng giám. Hoặc mộng thấy rõ hình tượng đức Phật phóng ra ánh sáng để vì chứng minh...(19).

Nếu người chưa được tướng ba nghiệp lành, mà chỉ trước đó thấy nghe những việc như vậy, rồi cho là mình sám có kết quả, thì đó chính là, hư vọng dối ngụy, chẳng phải tướng lành vậy.

Nếu người từng có gốc lành xuất thế, tùy sự nhiếp thọ của họ mạnh lạnh, thì Ta lúc đó, tùy chỗ đáng độ mà vì hiện thân, phóng ánh từ quang, khiến họ an ổn, lia những nghi sợ, hoặc hiện những thứ thần thông biến hóa, hoặc lại khiến họ tự nhớ những việc lành dữ đã tạo trong những kiếp trước, hoặc lại tùy họ ưa những Pháp gì, liền vì nói những giáo Pháp thâm yếu, ngay đó người ấy hướng về thừa nào, tức được đức tin quyết định vững chắc, hoặc lần lần chứng quả vị Sa Môn (20).

- Lại nữa, nếu chúng sinh nào, mặc dù chưa thấy hóa thân của Ta, biến đổi nói Pháp, hễ siêng tu học với lòng chí thành, khiến thân, khẩu, ý được tướng thanh tịnh rồi, Ta cũng hộ niệm, khiến chúng sinh ấy mau được tiêu diệt các thứ chướng ngại, Thiên Ma Ba Tuần (21) chẳng đến phá hoại, cho đến tất cả những quỷ thần của chín mươi lăm thứ tà sư ngoại đạo (22) cũng chẳng đến quấy nhiễu, và năm món cái (23) lần lượt nhẹ mỏng, kham nổi tu tập thiền định trí tuệ.

- Lại nữa, nếu đời sau này, các hạng chúng sinh, tuy chẳng vì cầu thiền định trí tuệ của đạo xuất yếu, hễ gặp những thứ hoạn nạn tai ách, nghèo nàn khốn khổ, lo rầu bức bách, cũng nên cung kính, lễ lạy cúng dường Tam Bảo, ăn năn tội ác đã tạo và thường phát nguyện. Trong tất cả thời, trong tất cả chỗ, siêng lòng xưng niệm danh hiệu của Ta với lòng chí thành, cũng sẽ mau thoát các thứ suy não, bỏ thân này rồi, sinh về chỗ lành.

- Lại nữa, thời đại sau này, các hạng chúng sinh tại gia xuất gia, muốn cầu thọ giới thanh tịnh vi diệu, nhưng trước đó tạo tội nặng tăng thượng, chẳng được phép thọ, cũng phải như trên, tu Pháp sám hối với lòng chí thành. Khi được tướng lành của thân, khẩu, ý rồi, liền hãy khá thọ. Nếu chúng sinh ấy muốn tu tập theo đạo lý Đại thừa, và cầu thọ những giới trọng căn bản của bậc Bồ Tát, hay nguyện thọ chung tất cả giới cấm xuất gia tại gia, nghĩa là: Nhiếp Luật nghi giới, Nhiếp Thiện Pháp giới, Nhiếp chúng sinh giới, nhưng chẳng tìm được giới sư giỏi khéo, có thể giải rộng Tạng Pháp Bồ Tát tu hành trước kia, phải nên dốc lòng, ở trong đạo tràng, cung kính cúng dường, ngưỡng bạch mười phương chư Phật, Bồ Tát, cung thỉnh chư Phật làm thầy truyền giới, chư Đại Bồ Tát làm bậc Tôn chứng, một lòng lập nguyện, kê rành mười tướng, trước hết nói mười giới trọng căn bản, kể đến nêu chung ba thứ tụ giới, tự thệ mà thọ, đây cũng đắc giới.

- Lại nữa, các hạng chúng sinh về đời vị lai, muốn cầu xuất gia, hoặc xuất gia rồi, lại chẳng thể gặp giới sư giỏi đúng và thanh tịnh Tăng, tâm họ nghi ngờ, chẳng được đúng Pháp thọ những giới cấm. Hễ có khả năng, học sự phát tâm cầu đạo Vô Thượng và cũng làm cho thân, khẩu, ý được thanh tịnh rồi, song những người ấy còn chưa xuất gia, hãy nên cạo tóc, mặc vào pháp y, lập nguyện như trên, tự thệ mà thọ ba tụ luật nghi của giới Bồ Tát. Đó mệnh danh là được đầy đủ giới Ba La Đề Mộc Xoa (24) của người xuất gia, gọi là Tỳ kheo, hay Tỳ kheo ni. Sau đó liền phải tìm tòi học hỏi Luật tạng Thanh Văn và Luật tạng kiết tập của Bồ Tát thừa, thọ trì đọc tụng, quán xét tu hành.

Nếu tuy xuất gia, mà tuổi người ấy chưa đầy hai mươi, phải nên trước thệ nguyện thọ mười giới căn bản của Bồ Tát, và thọ những giới riêng của Sa di hay Sa di ni,

liền phải gằn gỏi, cúng dường cung cấp hầu hạ bậc đã xuất gia kỳ cựu, vị này trước đã học Đại thừa tâm và thọ đủ giới. Sa di mới thọ, thỉnh cầu vị này làm thầy y chỉ, thỉnh xin dạy dỗ, tu hành oai nghi, như những phép tắc của một Sa di hay Sa di ni. Nếu chẳng thể gặp người nào như thế, thì chỉ nên gằn gỏi những vị Bồ Tát tu về Luân tạng mà đọc tụng suy ngẫm, quán xét tu hành, hãy siêng cúng dường Phật, Pháp, Tăng Bảo.

Nếu Sa di ni tuổi đã mười tám, cũng nên tự thọ sáu giới Pháp của một Thức Xoa trong Tạng Tỳ ni, và phải học hỏi tất cả tụ giới của Tỳ kheo ni. Lúc tuổi người đó tròn đủ hai mươi, mới có thể thọ Ba tụ tịnh giới của một Bồ Tát, như trên đã nói. Sau đó được gọi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni.

Nếu chúng sinh nào, tuy học sám hối mà chẳng hay hết lòng, chẳng được triệu chứng mộng thấy tướng hảo, giả sử tác Pháp, tưởng mình thọ giới, chẳng gọi đắc giới.

Bấy giờ Ngài Kiên Tịnh Tín hỏi Ngài Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát:

- Bạch Đấng Đại Sĩ! Về sự chí tâm, tính cách sai biệt, có bao nhiêu thứ? Những sự chí tâm nào, có thể cảm triệu mộng thấy tướng lành?

Ngài Địa Tạng đáp:

- Nay thiện nam tử! Nói về chí tâm, tóm tắt có hai, những gì là hai?

Một là: chí tâm cầu nguyện của người vừa mới phát tâm học tập.

Hai là: chí tâm của người nhiếp ý tinh chuyên thành tựu đồng mãn.

Được sự chí tâm thứ hai, có thể gạt hái kết quả mơ thấy tướng lành.

Hai sự chí tâm này lại có ba thứ khác nhau giữa hạ, trung, thượng. Những gì là ba?

Một là nhất tâm, nghĩa là hệ niệm tư tưởng một chỗ, không cho tán loạn, tâm trụ tỏ rõ. (bậc hạ).

Hai là tâm đồng mãn, ấy là chuyên cần, không hề biếng trễ, chẳng tiếc thân mạng. (bậc trung).

Ba là thâm tâm, nghĩa là tương ưng với Pháp (25) rốt ráo chẳng thoái. (bậc thượng). Nếu người tu tập Pháp sám hối này, cho đến chẳng được chí tâm bậc hạ, thì trọn chẳng thể có sự cảm triệu tướng tốt thanh tịnh.

Trên đây là nói phương pháp Chiêm Sát Luân Tướng thứ hai.

- Nay thiện nam tử! Nếu muốn chiêm sát sự chịu quả báo sai khác ba đời, lại phải khắc gỗ ra làm sáu luân. Nơi sáu luân này lấy các con số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 ghi vào trong đó. Mỗi số chủ một mặt, mỗi luân viết ba mặt, mỗi mặt một số, số ghi thứ lớp không cho lộn lạo. Nên biết, những số như thế, đều từ số Một mà khởi, lấy Một làm gốc. Cái tướng của những con số như vậy,



tượng trưng cho nhóm sáu căn của khắp tất cả chúng sinh, đều từ cảnh giới Nhất Thật Tướng Tự Tính Thanh Tịnh Tâm của Như Lai Tạng mà khởi.

Nương nơi cảnh giới (chân vọng hòa hợp) của Nhất Thật Tướng, lấy đó làm gốc. Nghĩa là nương cảnh giới của Nhất Thật Tướng, sẵn có vô minh, chẳng rõ Nhất Chân Pháp Giới, nhận lầm cái nhớ nghĩ tư duy, mà hiện ra cảnh giới hư vọng, rồi phân chấp đắm, chứa nhóm mãi thành nhân duyên của nghiệp, sinh các giác quan, như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nương vào sáu căn bên trong, đối với sáu trần bên ngoài, là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà khởi ra nhận thức của sáu giác quan, hoặc nghịch, hoặc thuận, chẳng nghịch, chẳng thuận (26) thành ra 18 cảm thọ.

- Nếu đời sau này, hàng đệ tử Phật, đối với sự thọ quả báo ba đời, người nào có ý, muốn giải quyết nghi, phải nên ba lần, gieo tướng mộc luân cách thứ ba này, chiêm sát bằng cách tính số cộng lại, căn cứ tổng số mà xem, để định thiện ác. Các tướng quả báo thiện ác ba đời để xem như vậy, gồm có 189 thứ. Những gì là 189 thứ?

1. Cầu Thượng thừa sẽ được bất thoái chuyển.
2. Cầu quả được chứng, hiện tại sẽ chứng.
3. Cầu Duyên Giác thừa, được không thoái chuyển.
4. Cầu Thanh Văn thừa, được bất thoái chuyển.
5. Cầu sức thần thông, được sự thành tựu.
6. Tu bốn phạm hạnh (27) được sự thành tựu.
7. Tu thiền thế gian, được sự thành tựu.
8. Giới nào muốn thọ, là được Diệt giới.
9. Giới nào từng thọ, được đầy đủ giới.
10. Cầu Thượng thừa nhưng đức tin chưa trụ.
11. Cầu Duyên Giác thừa nhưng đức tin chưa vững.
12. Cầu Thanh Văn thừa nhưng đức tin chưa vững.
13. Người được chiêm sát chính là bạn lành.
14. Tùy nghe những gì đều đúng Chính Pháp.
15. Người được chiêm sát chính là bạn ác.
16. Tùy nghe những gì đều sai Chính Pháp.
17. Người đang được xem có đức thật sự.
18. Người đang được xem không có thật đức.
19. Nghĩa được tu quán là không sai lầm.
20. Nghĩa được tu quán là bị lầm lộn.
21. Những gì đọc tụng là không lầm lộn.
22. Những gì đọc tụng là bị lầm lộn.

23. Những hạnh được tu chẳng bị sai lầm.
24. Những gì thấy nghe, đều là tướng lành.
25. Có sở chứng gì đều là chân thật.
26. Có học những gì đều là sai lầm.
27. Những gì thấy nghe, chẳng phải tướng lành.
28. Có chứng ngộ gì đều chẳng phải chính.
29. Có kết quả gì, là do tà thần giúp giữ.
30. Nói giỏi điều gì, là trí tà biện bác.
31. Biết chỗ huyền diệu, chẳng phải sức người.
32. Nên trước tập quán đường lối sáng suốt.
33. Nên tập đường lối thiên định trước đó.
34. Xem chỗ được học, không bị chướng ngại.
35. Xem chỗ được học, là điều thích nghi.
36. Xem chỗ được học, chẳng phải thích nghi.
37. Xem chỗ được học, là đã tu tập đời trước.
38. Xem chỗ được học, chẳng phải đời trước tu tập.
39. Xem chỗ được học, khéo tăng trưởng lên.
40. Xem chỗ được học, là phương tiện nhỏ.
41. Xem chỗ được học, không sự tiến thú.
42. Quả gì mong cầu, hiện tại chưa được.
43. Cầu xuất gia thì sẽ được ra đi.
44. Mong cầu nghe Pháp sẽ được chỉ dạy.
45. Cầu những quyển Kinh sẽ được đọc tụng.
46. Hãy xem việc làm đều là ma sự.
47. Xem những việc đã làm đều thành tựu.
48. Xem việc được làm, chẳng được thành tựu.
49. Cầu giàu của cải, sẽ được sung thịnh.
50. Cầu địa vị quan sẽ được kết quả.
51. Cầu sống lâu sẽ được thêm tuổi thọ.
52. Cầu tiên đạo thế gian, sẽ được kết quả.
53. Xem chỗ học vấn, đạt được nhiều chỗ.
54. Xem chỗ học vấn, ít đạt kết quả.
55. Tìm thầy, tìm bạn, được như ý muốn.

56. Tìm đệ tử, được như ý.
57. Tìm cha mẹ, được như ý muốn.
58. Cầu con trai con gái, được như ý.
59. Tìm thê thiếp như ý.
60. Tìm bạn đồng học, được như ý muốn.
61. Xem lại những gì lo lự, được hòa hợp.
62. Người được xem, tâm họ mang hờn giận.
63. Mong người không giận, sẽ được hoan hỷ.
64. Cầu sự hòa hợp, được như ý muốn.
65. Tâm của người được xem thì hoan hỷ.
66. Người mình nghĩ đến, sẽ được gặp gỡ.
67. Người mình nghĩ đến, chẳng được gặp lại.
68. Người được mời gọi, sẽ được nhóm đến.
69. Người bị chê ghét, được rời khỏi họ.
70. Người mình kính mến, sẽ được gần họ.
71. Quán Pháp ly dục, ý được tập trung.
72. Quán Pháp ly dục, ý chẳng tập trung.
73. Người được mời gọi, họ sẽ chẳng đến.
74. Người được hẹn trước, chắc chắn sẽ đến.
75. Người được hẹn trước, ở lại không đến.
76. Người đang được xem, được sự an lành.
77. Người đang được xem, hiện chẳng an lành.
78. Người đang được xem, đã không còn thân.
79. Người mình trông gặp, sẽ được gặp họ.
80. Những gì mình đang tìm, được gặp lại.
81. Những gì cầu nghe, sẽ được lợi lành.
82. Những gì mong tìm thấy, chẳng như ý.
83. Xem chỗ bị nghi, chính là đúng thật.
84. Xem lại chỗ bị nghi, là chẳng thật.
85. Người đang được xem, chẳng còn hòa hợp.
86. Cầu làm Phật sự, sẽ được kết quả.
87. Cầu những món cúng, sẽ được kết quả.
88. Tìm những của cải, sẽ được như ý.

89. Tìm của nuôi thân, ít được kết quả.
90. Có cầu những gì, thấy đều sẽ được.
91. Có cầu những gì, thấy đều chẳng được.
92. Có cầu những gì, ít được kết quả.
93. Có cầu những gì, đều được như ý.
94. Có cầu những gì, liền được nhanh chóng.
95. Có cầu những gì, chẳng được nhanh chóng.
96. Có những mong cầu, nhưng bị tổn thất.
97. Có cầu những gì, sẽ được lợi lành.
98. Có cầu những gì, nhưng sẽ chịu khổ.
99. Xem vật bị mất, sẽ tìm lại được.
100. Xem vật bị mất, chẳng tìm lại được.
101. Xem vật bị mất, tự trở về lại.
102. Cầu lia ách nạn, được thoát ách nạn.
103. Cầu khỏi bệnh hoạn, sẽ được trừ lành.
104. Xem những việc đã qua, không chướng ngại.
105. Xem những việc đã qua, có chướng ngại.
106. Xem nơi đang ở, được dùng ở yên.
107. Xem nơi đang ở, chẳng được bình an.
108. Nơi vừa mới đến, được sự an vui.
109. Nơi vừa mới đến, là có ách nạn.
110. Nơi vừa mới đến, là lưới của ma.
111. Nơi vừa mới đến, khó thể khai hóa.
112. Nơi vừa mới đến, có thể khai hóa.
113. Nơi vừa mới đến, tự được lợi ích.
114. Con đường đạo qua, không bị nã hại.
115. Con đường đạo qua, có bị nã hại.
116. Vua dân ác, nên đói kém nổi lên.
117. Vua dân ác, nên nhiều bệnh ôn dịch.
118. Vua dân tốt, nên nước được giàu vui.
119. Vua vô đạo, nên nước tai hại lớn.
120. Vua tu đức, tai nạn loạn ly diệt.
121. Vua làm ác, nước sắp bị phá hoại.

122. Vua tu thiện, nước được xây dựng lại.
123. Xem chỗ đạo qua, được khỏi các nạn.
124. Xem chỗ đạo qua, chẳng thoát khỏi nạn.
125. Nơi đang được ở, mọi người an ổn.
126. Nơi đang được ở, có sự chướng ngại.
127. Tự lạc đang ở, mọi người chẳng yên.
128. Là nơi nhàn tịnh, không có ác nạn.
129. Xem ra quái lạ, nhưng không tổn hại.
130. Xem ra quái lạ, có sự tổn hại.
131. Xem ra quái lạ, tinh tấn thì an.
132. Giác mộng được thấy, không gây tổn hại.
133. Giác mộng được thấy, có sự tổn hại.
134. Giác mộng được thấy, tinh tấn thì an.
135. Giác mộng được thấy, là một lợi lành.
136. Thấy chướng loạn đó, nhưng mau được lìa.
137. Thấy chướng nạn đó, lần lần được lìa.
138. Thấy chướng loạn đó, mà chẳng lìa khỏi.
139. Thấy chướng loạn đó, nhứt tâm là trừ.
140. Thấy nạn đang bị, nhưng mau được thoát.
141. Thấy nạn đang bị, lâu mới được thoát.
142. Thấy nạn đang bị, chịu nhiều suy não.
143. Thấy nạn đang bị, tinh tấn sẽ thoát.
144. Thấy nạn đang bị, biết mạng sắp chết.
145. Thấy bệnh đang mắc, rất chẳng nên điều trị.
146. Thấy bệnh đang mắc, chẳng phải người phá.
147. Thấy bệnh đang mắc, hợp với phi nhân.
148. Thấy bệnh đang mắc, có thể trị liệu.
149. Thấy bệnh đang mắc, khó thể trị liệu.
150. Thấy bệnh đang mắc, tinh tấn là lành.
151. Thấy bệnh đang mắc, phải khổ lâu dài.
152. Thấy bệnh đang mắc, tự động sẽ lành.
153. Thấy bệnh đang mắc, đến thầy khám mới trị nổi.
154. Thấy bệnh được chữa, là trị đúng pháp.

155. Thuốc đang được uống, sẽ được hiệu lực.
156. Thấy bệnh đang mắc, được trừ lành hẳn.
157. Thấy được tìm đến, chẳng thể trị liệu.
158. Cách được trị liệu, là chữa trị sai.
159. Thuốc đem cho uống, chẳng được hiệu lực.
160. Thấy bệnh đang mắc, là mạng sắp chết.
161. Đó là trong đường địa ngục mà đến.
162. Từ trong con đường súc sinh mà đến.
163. Từ trong con đường ngã quý mà đến.
164. Từ trong con đường A tu la mà đến.
165. Từ trong nhân loại mà đến.
166. Từ trong loài trời mà tái sinh đến.
167. Từ trong những người tại gia mà đến.
168. Từ trong hàng ngũ xuất gia mà đến.
169. Đã từng gặp Phật cúng dường mà đến.
170. Từng gần cúng dường Hiền Thánh mà đến.
171. Từng được nghe Pháp rất sâu mà đến.
172. Bỏ thân này rồi, sẽ vào địa ngục.
173. Bỏ thân rồi, sẽ đọa làm súc sinh.
174. Bỏ thân rồi, sẽ đọa làm ngã quý.
175. Bỏ thân rồi, sẽ làm A tu la.
176. Bỏ thân rồi, sẽ sinh vào nhân đạo.
177. Bỏ thân rồi, làm vua trong loài người.
178. Bỏ thân rồi, sẽ sinh lên cõi trời.
179. Bỏ thân rồi, sẽ làm vua cõi trời.
180. Bỏ thân rồi, sẽ nghe Pháp rất sâu.
181. Bỏ thân rồi, được xuất gia tu học.
182. Bỏ thân rồi, sẽ được gặp Thánh Tăng.
183. Bỏ thân rồi, sinh lên trời Đâu Suất.
184. Bỏ thân rồi, sinh Tịnh độ của Phật.
185. Bỏ thân rồi, liền được thấy đức Phật.
186. Bỏ thân rồi, sẽ trụ vào thừa dưới(Thanh Văn)
187. Bỏ thân rồi, sẽ trụ vào thừa giữa (Duyên Giác)

188. Bỏ thân rồi, sẽ chứng được đạo quả.

189. Bỏ thân rồi, liền được bậc Thượng thừa.

- Nay thiện nam tử! Đó gọi là những tướng sai biệt của 189 thứ quả báo lành dữ. Cách chiêm sát như thế, đều tùy sự chú ý và tùy tâm của người được xem đến. Nếu các số cộng, với ý người tương xứng, thì không sai lạc. Các số cộng, gieo cho người nào, mà con số thành với việc tâm đang chú trọng theo đuổi để xem, kết quả không tương xứng, ấy là chẳng hết lòng thành, như thế gọi là hư luống. Người nào gieo ba lần mà không thấy hiện số, là kẻ ấy đã được “vô sở hữu” (không gì để vương mắc).

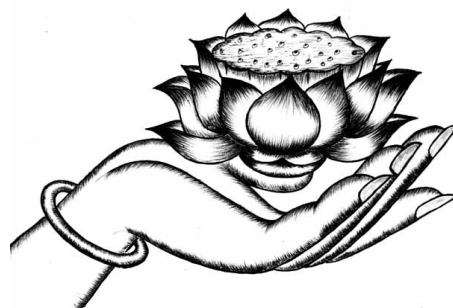
- Lại nữa! Thiện nam tử! Nếu tự phát ý xem cho người khác đang chịu quả báo, thì sự việc cũng đồng như vậy.

Nếu có người nào chẳng thể tự chiêm, mà đến cầu thỉnh muốn xem cho họ, phải nên cân nhắc, quán xét tâm mình, có tham danh lợi thế gian hay không, bên trong ý có thanh tịnh hay không, sau mới có thể quy kính tu hành, cúng dường như trước đốc lòng phát nguyện, vì họ chiêm sát, chẳng nên tham cầu danh lợi thế gian, như việc làm của những hạng thầy tà, để tự phương hại, rối loạn cho người. Nếu xét trong tâm chẳng được thanh tịnh, dầu cho chiêm sát, nhưng chẳng tương xứng, chỉ là sai lầm một cách hư luống mà thôi.

- Lại nữa, các hạng chúng sinh về đời sau này, bất cứ việc gì được chiêm sát đến, mà chẳng đạt được kết quả tốt lành, việc cầu chẳng được, nhiều sự lo âu, lúc bị bức bách, lo rầu sợ sệt, phải nên sớm tối thường nên tụng niệm danh hiệu của Ta. Nếu luôn chí thành thì việc chiêm sát, sẽ được tốt lành, cầu gì được nấy, hiện đời là khỏi những sự suy buồn.

## KINH CHIÊM SÁT NGHIỆP BÁO THIỆN ÁC

Hết quyền thượng



# KINH CHIÊM SÁT

## NGHIỆP BÁO THIÊN ÁC

### Quyển Hạ

**Đời Tùy Tam tạng Pháp Sư: BỒ ĐỀ ĐĂNG Người nước Ấn Độ, dịch Phạn Văn ra Hán văn.**

**Việt dịch: THÍCH THIỆN THÔNG**

Bấy giờ Ngài Đại Bồ Tát Kiên Tịnh Tín hỏi Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng:

- Làm sao mở bày phương tiện, chỉ cho những người muốn hướng đến Đại thừa?

Ngài Địa Tạng đáp:

- Này thiện nam tử! Nếu có người nào muốn hướng về Đại thừa, trước hết người ấy phải biết hạnh nghiệp căn bản ban đầu. Hạnh nghiệp căn bản đầu tiên là gì? Đó là nương vào cảnh giới của Nhất Thật Tướng, để tu lòng tin và sự hiểu biết. Nhờ sức tin hiểu thêm lớn cho nên nhanh chóng được vào dòng giống Bồ Tát.

Cảnh giới của Nhất Thật Tướng là gì?

- Nghĩa là bản thể nơi tâm của tất cả chúng sinh, từ trước đến giờ chẳng sinh chẳng diệt, tự tính nó thanh tịnh, không chướng không ngại, dường như hư không vì lìa phân biệt, bình đẳng khắp giáp, nơi nào cũng có, tràn đầy khắp mười phương, rỗng ráo một tướng, không hai không khác, chẳng biến, chẳng đổi, không thêm, không bớt. Do vì bản thể nơi tâm của tất cả chúng sinh, nơi tâm của tất cả Thanh Văn, Độc Giác, nơi tâm của tất cả Bồ Tát và nơi tâm của tất cả chư Phật, đều cùng chẳng sinh chẳng diệt, không nhiễm, không tịnh, đồng là một tướng chân như. Tại sao vậy? Vì tất cả những tâm có khởi phân biệt, đều như huyễn hóa, không hề chân thật. Nghĩa là: Những Pháp số của tâm như: ức niệm, lo lắng, xét biết v.v... thuộc bốn uẩn là Thọ, Tướng, Hành, Thức, đều chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải tạp sắc, chẳng có dài ngắn, vuông tròn, lớn, nhỏ... cho đến cùng tận mười phương hư không, tất cả thế giới, tìm về hình trạng tâm này, không một chút phần, có thể nắm bắt. Chỉ vì chúng sinh bị vô minh si tối làm nhân làm duyên huân tập, hiện ra cảnh giới hư vọng, khiến sinh nhớ nghĩ vướng mắc.

Tâm này nó chẳng thể tự biết, vọng tự bảo có, khởi tướng xét nét, so đo về ngã, sở hữu của ngã, nhưng thật ra không có cái tướng của giác tri. Bởi vọng tâm này rỗng không có thật thể, vì chẳng thể tìm thấy cái thật thể của vọng tâm. Nếu không có cái năng phân biệt của giác tri, thì không có cái tướng của tất cả cảnh giới sai biệt thuộc mười phương ba đời, bởi tất cả Pháp đều chẳng thể tự có, chỉ nương sự phân biệt



của vọng tâm mà có. Nghĩa là tất cả cảnh giới, mỗi mỗi chẳng tự nghĩ mình là có, chẳng biết đây là tự, kia là tha. Thế nên tất cả Pháp chẳng thể tự có, ắt không đổi khác. Chỉ nương vọng tâm, chẳng biết chẳng rõ, vì bên trong tự không. Tức là: Có cái bị biết bên ngoài, rồi vọng sinh các thứ tướng Pháp, cho là có, cho là không, bảo kia, bảo đây, bảo phải, bảo trái, bảo tốt, bảo xấu...cho đến vọng sinh vô lượng vô biên tư tưởng về Pháp. Nên biết tất cả các Pháp như thế, đều từ vọng tướng sinh ra, nương vọng tâm làm gốc. Nhưng vì vọng tâm không tự tướng, cũng chỉ nương cảnh giới mà có. Nghĩa là nó duyên niệm xét biết theo cảnh giới đang trước, cho nên gọi là tâm. Và lại, vọng tâm này với cảnh giới mé trước, mặc dù đều nương vào nhau, nhưng sự phát khởi của nó không trước sau gì cả và vọng tâm này luôn luôn là nguồn gốc, là chủ thể của tất cả cảnh giới. Tại sao vậy? Bởi vì, nương vào vọng tâm mà vọng tâm này chẳng rõ một tướng Pháp giới, vì thế nói rằng tâm có vô minh. Nương vào sức mạnh vô minh làm nhân, cho nên hiện ra cảnh giới hư vọng. Lại cũng do vô minh diệt, cho nên tất cả cảnh giới cũng diệt theo. Chẳng phải do tất cả cảnh giới tự chẳng sáng tỏ mà nói cảnh giới có vô minh, cũng chẳng phải nương nơi cảnh giới mà sinh vô minh. Tất cả các đức Phật đối với tất cả cảnh giới chẳng sinh vô minh.

Lại nữa, chẳng do cảnh giới diệt mà tâm vô minh diệt. Bởi tất cả cảnh giới, từ trước đến giờ thể tính tự vắng lặng, vì chưa từng có bất cứ thứ gì. Do nghĩa như thế, cho nên chỉ nói, tất cả các Pháp nương nơi tâm làm gốc. Nên biết, tất cả các Pháp, Pháp nào cũng gọi là tâm, vì nghĩa của thể không thay đổi, và được nhiếp vào tâm vậy.

Lại nữa, tất cả các Pháp, được khởi từ tâm, với tâm mà tạo ra tướng, hòa hợp mà có, cùng sinh cùng diệt, đồng không dừng trụ. Bởi tất cả cảnh giới chỉ bị duyên của tâm, niệm niệm tiếp nối mà được duy trì, tạm thời được có.

Về nghĩa của tâm được nói trên đây, có hai thứ tướng. Thế nào là hai?

Một là tướng bên trong tâm. Hai là tướng bên ngoài tâm.

- Tướng bên trong tâm lại có hai thứ.

Một là chân, hai là vọng.

Chân là gì? Đó là cái tướng sẵn có nơi thể của tâm, tướng này như như chẳng đổi, thanh tịnh tròn đầy không chương, không ngại, kín nhiệm khó thấy. Bởi nó khắp giáp tất cả chỗ, thường hằng không hoại, nên có thể kiến lập, sinh trưởng tất cả Pháp.

Vọng là gì? Tức là luôn luôn khởi niệm, phân biệt, xét nét, duyên lự, nhớ tưởng các việc. Mặc dù liên tục hay sinh tất cả cảnh giới, nhưng thể bên trong của nó là hư vọng, không hề chân thật, và cũng không thể tìm thấy nó.

- Tướng bên ngoài tâm, tức là tất cả các Pháp và các thứ cảnh giới v.v... Tùy có cái bị niệm mà cảnh giới hiện ra trước, vì vậy mà biết, có sự sai biệt giữa tâm bên trong và tâm bên ngoài. Thế thì nên biết, tướng vọng bên trong, là nhân, là thể, tướng vọng bên ngoài, là quả là dụng.

Do những nghĩa như vậy, thế nên ta nói: Tất cả các Pháp, đều gọi là tâm.

Lại nữa, nên biết cái tướng bên ngoài của tâm. Tướng này cũng như các thứ cảnh giới bị thấy trong mộng, duy tâm hiện ra, không có việc thật bên ngoài. Tất cả cảnh giới đều cũng như vậy, bởi đều nương vào giấc mộng vô minh của nghiệp thức mà được thấy, vọng tưởng mà thành.

Lại nữa, nên biết mỗi niệm, mỗi niệm trong nội tâm đều chẳng có dừng trụ, cho nên tất cả cảnh giới bị thấy, bị duyên, cũng tùy theo tâm mà niệm niệm chẳng dừng. Nghĩa là: Tâm sinh, nên các Pháp sinh, tâm diệt, nên các Pháp diệt. Tướng sinh diệt này chỉ có tên gọi, thật bất khả đắc. Bởi vì tâm chẳng qua đến cảnh giới, cảnh giới chẳng về đến tâm, như tướng trong gương, không đến không đi, thế nên tất cả Pháp, tìm tướng sinh diệt nhất định trọn chẳng thể được. Nghĩa là tất cả Pháp rốt ráo không có thật thể, từ trước đến giờ luôn luôn rỗng rang, vì thật sự chẳng sinh chẳng diệt vậy.

Tất cả các Pháp thật không có sinh diệt như thế, thì không có tướng cảnh giới sai khác, mà là vắng lặng nhất vị. Như thế gọi là Chân Như, gọi là Đệ nhất Nghĩa đế, gọi là Tự tính Thanh tịnh Tâm. Tự tính Thanh tịnh Tâm ấy long trọng, tròn đầy, vì không có cái tướng phân biệt. Tướng không phân biệt tức là, đối với tất cả chỗ, không đâu mà chẳng hiện hữu. Vì nó hiện hữu ở khắp giáp, do đó có thể nương vào sự hiện hữu này mà duy trì và dựng lập tất cả Pháp.

Lại nữa, tâm đó gọi là Như Lai Tạng, Như Lai Tạng nghĩa là: Tâm này gồm chứa đầy đủ vô lượng vô biên bất khả tư nghĩ chủng tử vô lậu và công đức thanh tịnh, vì Pháp thân của chư Phật, từ ngàn mé vô thị đến nay, không chướng, không ngại, tự tại chẳng diệt. Tất cả mọi sự hóa hiện và những công đức nghiệp hằng thường lấy lừng, chưa bao giờ dứt. Nghĩa là chư Phật đều thị hiện Phật ở trong tất cả thế giới, ứng hóa đủ cách làm lợi ích chúng sinh. Do đó thân một đức Phật, chính là thân của tất cả chư Phật, thân của tất cả chư Phật cũng chính là thân một đức Phật, và bao nhiêu việc làm cũng đồng là một, tức là không tướng phân biệt, không niệm kia đây, bình đẳng không hai. Bởi nương vào một Pháp tính mà có sự tác nghiệp, đồng ứng hóa một cách tự nhiên, vì thế không đổi khác vậy.

Như trên đã nói, Pháp thân của các đức Phật khắp tất cả chỗ và tròn đầy bất động, tùy các chúng sinh, chết đây sinh kia mà luôn luôn làm chỗ nương tựa cho các chúng sinh. Ví như hư không đều có thể dung nạp tất cả sắc tướng và các thứ hình trạng. Tất cả sắc tướng và các thứ hình trạng đều nương nơi không mà có sự dựng lập và sinh trưởng ở trong hư không, bị nhiếp vào nơi hư không, lấy hư không làm thể, không có vật gì có thể ra ngoài ranh giới của hư không. Nên biết, trong mọi sắc tướng biên giới hư không chẳng bị hủy diệt, khi sắc tướng hoại bèn trở về với hư không và biên giới hư không sẵn có không thêm, không bớt, chẳng động, chẳng biến đổi.

Pháp thân của các đức Phật cũng lại như vậy, đều có thể dung nạp các thứ quả báo của tất cả chúng sinh, đều nương vào Pháp thân của các đức Phật, mà có sự dựng lập

và sinh trưởng, ở trong Pháp thân, bị nhiếp nơi Pháp thân, lấy Pháp thân làm thể, không một vật gì có thể ra ngoài ranh giới của Pháp thân. Nên biết trong thân của tất cả chúng sinh, Pháp thân của chư Phật cũng chẳng thể hủy diệt, nếu khi phiền não bị đoạn trừ, sẽ trở về với Pháp thân, về biên giới Pháp thân sẵn có không thêm không bớt, chẳng động, chẳng biến đổi.

Chỉ vì từ đời vô thủy trở lại đây, tâm tương ưng với vô minh, do năng lực nhân duyên huân tập si ám, cho nên hiện ra cảnh giới hư vọng, rồi do nương vào cảnh giới hư vọng, làm nhân làm duyên huân tập mà khởi vọng tưởng, tương ưng với tâm, chấp ngã, sở hữu của ngã, tạo chứa các nghiệp, để rồi chịu khổ sống chết không ngừng, thay vì gọi Pháp thân, lại gọi là chúng sinh.

Nếu trong số các chúng sinh, người nào có được năng lực huân tập của Pháp thân, thì phiền não của chúng sinh ấy lần lần cạn mỏng, có thể nhằm chán sự khổ thế gian và cầu đạo quả Niết Bàn, tin tưởng quay về với Nhất Thật Tướng, tu sáu Pháp ba la mật và tất cả Pháp phần Bồ Đề, đó mệnh danh là Bồ Tát. Trong số những Bồ Tát như thế, vị nào tu hành tất cả thiện Pháp một cách đầy đủ hoàn toàn, rốt ráo được lìa giấc ngủ vô minh, sẽ được mệnh danh là Phật. Lại nên biết rằng, danh từ chúng sinh, Bồ Tát, Phật v.v... chỉ nương lời lẽ giả gọi của thế gian để nói mà thôi, về thể của Pháp thân, thì không có gì sai khác, rốt ráo bình đẳng, không có tướng biến đổi.

Bồ Tát Địa Tạng bảo Ngài Kiên Tịnh Tín:

- Này thiện nam tử! Trên đây là lược nói ý nghĩa cảnh giới của Nhất Thật Tướng, nếu muốn nương vào cảnh giới Nhất Thật Tướng, để tu lòng tin và sự hiểu biết (28), thì hãy nên học tập hai đường lối quán chiếu. Thế nào là hai?

- Một là quán các Pháp đều Duy tâm Duy thức. Hai là quán Thật tướng Chân như.

Về cách học quán Duy tâm Duy thức thì: Trong tất cả thời, trong tất cả chỗ, tùy thân, khẩu, ý có sự móng niệm, đều phải quán xét, biết những niệm khởi chỉ là do tâm, cho đến bất cứ cảnh giới gì, nếu tâm trú vào sự nhớ nghĩ, thì phải xét biết và buông

xả, chớ để cho tâm rơi vào tình trạng vô ký (29), hoặc vin theo duyên mà không tự kiểm soát. Trong mỗi mỗi niệm đều nên quán sát, tùy ý niệm nào mà tâm duyên đến, lập tức thâm nhiếp trở lại, không để cho tâm theo đuổi những ý niệm đó. Làm sao cho tâm tự biết, nội tâm của mình tự sinh tưởng niệm, chẳng phải tất cả cảnh giới có tướng niệm, có phân biệt. Nghĩa là nội tâm tự sinh các quan niệm như: hay dở, tốt xấu, phải quấy, được mất, suy lợi, có không v.v... tóm lại là vô lượng ý tưởng. Song, tất cả cảnh giới chưa từng có tướng, chưa từng có khởi phân biệt, nên biết tất cả cảnh giới, tự nó không có tư tưởng phân biệt, tức là tự nó chẳng phải hay dở, chẳng phải tốt xấu, cho đến chẳng phải có, chẳng phải không, lìa tất cả tướng. Cứ như vậy quán sát, biết tất cả Pháp chỉ duy tâm tướng mà sinh. Nếu như lìa tâm, thì không có tướng bất cứ một Pháp nào có thể tự thấy có sự sai biệt. Thường nên như vậy mà khắc ghi và giữ gìn nội tâm, biết rằng chỉ có vọng niệm, không có cảnh giới chân

thật. Sự quán sát này cần phải đều đặn, chớ cho bỏ dở. Đây gọi là sự tu học duy tâm, duy thức quán.

Nếu tâm bị vô ký, chẳng biết tự tâm đang nghĩ gì, đó chính là có cảnh giới ở trước, chẳng gọi là duy tâm thức quán.

Vả lại, gìn giữ và khắc ghi nội tâm, ắt biết được, tướng tham, tướng sân, tướng si, tướng tà kiến. Biết thiện, biết bất thiện, biết vô ký, biết tâm lao lư nghĩ đến các sự khổ v.v... Nếu khi tịnh tọa, tùy đối tượng bị duyên của tâm mà mỗi niệm xét biết sự sinh diệt của duy tâm, ví như dòng nước trôi chảy, hay ánh lửa tiếp nối của ngọn đèn, không lúc nào tạm thời dừng lại. Từ đó sẽ được chính định vắng lặng các sắc. Được tam muội này rồi, kể đến học tập đức tin về quán tâm của Pháp Xa Ma Tha (30) và đức tin về quán tâm của Pháp Tỳ Bát Xá Na (31).

Học tập đức tin về quán tâm của Pháp Xa Ma Tha nghĩa là: Tư duy về tướng chẳng thể thấy của nội tâm. Tướng này tròn đầy, bất động, không đến, không đi, bản tính chẳng sinh, chẳng diệt, vì lìa phân biệt vậy. Học tập đức tin về quán tâm của Pháp Tỳ Bát Xá Na nghĩa là: Xét biết những tư tưởng, nhận biết các sắc bên trong bên ngoài, đều theo tâm mà sinh, theo tâm mà diệt, cả đến tư tưởng nhận thức về sắc thân Phật cũng vậy, đều tùy tâm sinh, tùy tâm mà diệt, như huyễn như hóa, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, chúng chẳng phải tâm, cũng chẳng lìa tâm, không phải đến, không phải chẳng đến, không phải đi, không phải chẳng đi, không phải sinh, không phải bất sinh, không phải tác động, không phải chẳng tác động.

Đại Bồ Tát Địa Tạng, bảo Ngài Kiên Tịnh Tín:

- Nay thiện nam tử! Nếu luôn luôn dùng đức tin, tu tập hai Pháp quán tâm như vậy, mau được ngộ ra đạo lý nhất thừa. Nên biết, quán Pháp duy tâm duy thức như vậy, gọi là ngưỡng cửa trí tuệ cao tột hơn hết. Ngưỡng cửa này có thể khiến cho tâm của hành giả mạnh mẽ bén nhạy và thêm lớn sức tin hiểu, nhanh chóng vào nghĩa không của Đại thừa, và phát được tâm Vô thượng Đại Bồ Đề.

Trên đây là nói về Pháp quán Duy tâm Duy thức.

Nếu muốn học tập Pháp quán Thật tướng Chân như thì: Hành giả tư duy về tính của tâm vốn không sinh, không diệt, không trụ vào cái thấy nghe hiểu biết, lìa hẳn tất cả những tướng phân biệt, lần lần có thể vượt qua tướng cảnh giới của các định không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng, phi phi tướng xứ. Được tương tự với không tam muội, thì tướng phân biệt thô của Thọ, Tướng, Hành, Thức chẳng hiện ra trước từ đó mà tiến tu thêm, sẽ làm bậc thiện tri thức, với lòng từ bi quảng đại. Vì khéo bảo nhiệm và trưởng dưỡng, cho nên lìa các chướng ngại, siêng tu chẳng bỏ phế lần lượt có thể vào tam muội vắng lặng của tâm. Được Tam muội đó rồi, lại liền có thể nhập Nhất hạnh Tam muội, nhập Nhất hạnh Tam muội rồi, thấy vô số đức Phật và phát những tâm hạnh sâu rộng chẳng thể nghĩ bàn, trụ vào bậc Kiên Tín (32).

Trên đây là đường lối của hai Pháp quán Xa Ma Tha và Tỳ Bát Xá Na, chắc chắn được sự tin hiểu, có thể quyết định thú hướng Bồ Đề, tùy chỗ tu học các Tam muội Thiên định và sự nghiệp thế gian, nhưng không bị đấm trước, cho đến có thể tu khắp tất cả thiện căn của Pháp phần Bồ Đề, đối với sự sống chết không bị khiếp sợ, không thích Nhị thừa. Bởi nương vào phương tiện hay khéo, vô cùng vi diệu và khả năng tu tập bằng hai đường lối quán tâm này, có thể làm chỗ sở y cho các thứ trí tuệ và các hạnh căn bản vậy.

Lại nữa, tu học sự tin hiểu như trên gồm có hai hạng người. Thế nào là hai? Một là hạng căn tính lanh lợi. Hai là hạng căn tính chậm lụt.

Hạng căn tính lanh lợi: Người này trước đó đã biết: Tất cả các cảnh giới bên ngoài, duy tâm tạo ra, hư dối chẳng thật, như mộng, như huyễn, quyết định không còn nghi ngờ gì nữa, nắm món cái nhẹ mỏng, tâm tán loạn cũng ít. Hạng người nói trên, nên học tập ngay Pháp quán Thật tướng Chân như.

Hạng người căn tính chậm lụt: Hạng này trước đó chưa thể biết tất cả các cảnh giới bên ngoài, đều chỉ là tâm, vì hư dối không thật. Tình thức nhiễm mắc của họ dày đặc, nắm món cái nhiều phen nổi lên, tâm khó điều phục, thì trước hết phải nên học Pháp quán duy tâm thức. Nếu người nào, tuy học sự tin hiểu như vậy, nhưng chúng tử thiện

căn còn mỏng, chưa thể tiến lên, các phiền não xấu ác chẳng bị bẻ dẹp lần lần, và tâm những người ấy nghi ngờ khiếp nhược, sợ đọa vào ba đường ác, hoặc sinh vào chỗ tám nạn (33), sợ chẳng thường được gặp đức Phật, chư vị Bồ Tát, các bậc Thánh nhân, chẳng được cúng dường nghe nhận chính Pháp, sợ hạnh Bồ Đề khó thể thành tựu... Có các thứ nghi sợ và những chướng ngại như thế v.v... thì nên trong tất cả thời, trong tất cả chỗ, thường xuyên tụng niệm danh hiệu của Ta, Địa Tạng Bồ Tát. Nếu được nhất tâm thì căn lành sẽ thêm lớn và ý chí người ấy đồng mãnh lanh lợi. Lại thêm quán Pháp thân của Ta, và Pháp thân của tất cả các đức Phật, với tự thân của mình thể tính đều bình đẳng, không hai không khác, chẳng sinh chẳng diệt, có đủ bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh, công đức tràn đầy. Đó là điều đáng nên nương tựa.

- Lại nữa, hành giả thường nên quán sát thân mình và cái tướng của tâm đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, như huyễn, như hóa, đáng chán, đáng lia.

Nếu luôn luôn tu học Pháp quán như vậy, hành giả mau được tăng trưởng đức tin thanh tịnh, bao nhiêu chướng ngại lần lần giảm bớt. Tại sao vậy ?

- Vì những người này được gọi là học tập theo sự nghe danh hiệu của ta, cũng có thể nói, học tập sự nghe danh hiệu của các đức Phật trong mười phương. Được gọi là sự học tập chí tâm lễ lạy và cúng dường ta, và hay học sự chí tâm lễ lạy cúng dường đức Phật trong mười phương. Được gọi là học sự nghe những Kinh điển thâm sâu đại thừa. Được gọi là sự giữ gìn biên chép, cúng dường cung kính Kinh điển Đại thừa sâu thẳm. Được gọi là học sự xa lìa những chấp trước tà vạy, đối với nghĩa lý sâu xa của chính Pháp, chẳng bị rơi vào sự phi báng chê bai. Được gọi là đối với đệ nhất nghĩa, rốt ráo sâu xa của thật tướng, học sự tin hiểu. Được gọi là hay trừ các thứ tội chướng. Được gọi là sẽ được sự chứa nhóm vô lượng công đức.

Những người nói trên, khi bỏ thân này, trọn chẳng đọa vào ác đạo và tám chỗ nạn. Khi sinh trở lại được nghe chính Pháp và tin tưởng học tập tu hành. Cũng có thể tùy nguyện sinh về Tịnh Độ của các đức Phật ở các phương khác.

- Lại nữa, nếu như người nào muốn sinh Tịnh Độ hiện tại ở phương khác, thì phải theo danh hiệu vị Phật ở thế giới đó (34) mà chuyên ý niệm tụng, một lòng chẳng loạn và quán sát Pháp thân như đã nói trên, người ấy quyết định được sinh Tịnh Độ của đức Phật ấy. Chừng đó căn lành sẽ thêm lớn và mau được bất thoái. Nên biết, sự nhất tâm buộc niệm tư duy Pháp thân bình đẳng của các đức Phật được nói trên đây, đối trọng tất cả căn lành, nó là tịnh nghiệp trỗi vượt trên hết. Do đó, người nào siêng năng tu tập, lần lần có thể hưởng đến Nhất hạnh Tam muội. Một khi được vào Nhất hạnh Tam muội, là thành tựu tâm hạnh rộng lớn nhiệm mầu, mệnh danh là được tương tự với Vô sinh Pháp nhẫn.

Bởi luôn luôn được nghe danh hiệu của Ta, cho nên cũng luôn luôn được nghe danh hiệu của chư Phật mười phương. Bởi luôn luôn dốc lòng lễ lạy cúng dường Ta, cho nên cũng luôn luôn lễ lạy cúng dường mười phương chư Phật. Bởi luôn luôn được nghe Kinh điển Đại thừa sâu thẳm, luôn luôn gìn giữ biên chép cúng dường, cung kính Kinh điển Đại thừa sâu thẳm, luôn luôn thọ trì, đọc tụng Kinh điển Đại thừa sâu thẳm, cho nên có thể đối với đệ nhất nghĩa của thật tướng sâu thẳm rốt ráo, chẳng sinh sợ sệt, xa lìa phi báng, được tâm chính kiến, luôn luôn tin hiểu, quyết định trừ diệt các thứ tội chướng và hiện đời thực chứng vô lượng công đức.

Tại sao vậy?

- Vì được tâm Bồ Đề vô phân biệt, vì được trí tuệ vắng lặng hiện tiền, vì phát khởi chủng tử phương tiện các thứ nguyện hạnh.

Luôn luôn nghe danh hiệu của ta, là được sự quyết định của đức tin và việc làm lợi ích, cho nên bất cứ việc gì có thể làm, đều được chẳng thoái chuyển nghiệp nhân của đạo nhất thừa vật.

Nếu tu hành với tâm tạp loạn cấu uế, thì đâu có xưng tụng danh hiệu của Ta, đó chẳng được gọi là nghe danh hiệu, vì chẳng hay sinh sự tin hiểu quyết định, chỉ gạt hái quả báo lành nhỏ mọn của thế gian mà thôi, chẳng được lợi ích rộng lớn sâu diệu. Hành giả nào tu với tâm tạp loạn cấu uế như vậy, tùy tu bất cứ thiện Pháp nào, đều chẳng thể được lợi ích sâu rộng.

Bồ Tát Địa Tạng bảo Ngài Kiên Tịnh Tín:

- Thiện nam tử: nên biết, sự siêng lòng tu học môn Thiền vô tướng trên đây, không lâu sẽ được lợi ích rộng lớn sâu xa, lần hồi thành Phật.

Sự lợi ích rộng lớn sâu xa là: được vào Pháp vị Kiên Tín, vì thành tựu Tín nhẫn (35). Vào địa vị Kiên tu (36), vì thành tựu Thuận nhẫn (37), vào Chính nhân vị (38) vì thành tựu Vô sinh nhẫn (39).

Lại thành tựu Tín nhẫn, là có thể trở thành dòng giống của Như Lai. Thành tựu Thuận nhẫn, có thể hiểu Hạnh của Như Lai. Thành tựu Vô sinh nhẫn là được nghiệp của Như Lai.

Lần hồi thành Phật là: lược nói có bốn hạng.

- Một là: vì tròn đầy đức tin về Pháp mà làm Phật. Nghĩa là: nương vào bậc Tập chủng tính (40), quyết định tin các Pháp chẳng sinh chẳng diệt, thanh tịnh, bình đẳng, không gì đáng nguyện cầu.

- Hai là: vì hiểu trọn vẹn về Pháp mà làm Phật. Nghĩa là, nương vào bậc Giải hạnh (41), hiểu sâu tính các Pháp, biết chủng tử của Như Lai là không tạo, không tác, đối với

sinh tử và Niết Bàn, chẳng khởi hai tướng và tâm không bị sợ sệt.

- Ba là: vì chứng trọn vẹn Pháp mà làm Phật, nghĩa là nương vào Tịnh tâm địa (42), do được trí vô phân biệt, thể nhập Pháp thân tịch tịnh, cũng như nghiệp dụng tự nhiên chẳng thể nghĩ bàn, không còn ý tưởng tìm cầu nữa.

- Bốn là: tất cả hạnh công đức trọn vẹn mà làm Phật. Nghĩa là, nương vào bậc Bồ Tát cứu cánh địa (43) có thể diệt trừ tất cả chướng ngại, giấc mộng vô minh không còn. Lại cũng nên biết, tu học theo môn Thiền hữu tướng của thế gian, gồm có ba thứ. Thế nào là ba?

- Một là: không có phương tiện và sức tin hiểu, cho nên tham nhận công đức của các thiền định rồi sinh kiêu mạn, bị sự hệ phược của thiền, làm cho thoái tâm, chỉ cầu mỗi lợi thế gian.

- Hai là: không có phương tiện và sức tin hiểu, cho nên nương vào thiền mà phát khởi hạnh chán lìa một bên khiếp sợ sinh tử, thoái đọa vào hàng Nhị thừa.

- Ba là: có phương tiện và sức tin hiểu. Nghĩa là, nương tựa cảnh giới Nhất Thật Tướng, tu tập gần với đường lối hai Pháp quán Xa Ma Tha, Tỳ Bát Xá Na, nên có thể tin hiểu tất cả các Pháp, duy tâm tướng sinh, đồng như mộng như huyễn. Dầu được công đức của thiền định thế gian, mà chẳng đắm trước kiên cố, chẳng còn thoái tâm, cầu quả báo trong ba cõi. Lại tin và biết sinh tử cũng chính là Niết Bàn, nên

cũng chẳng sợ sệt, khiếp nhược, chẳng thoái cầu quả Nhị thừa. Người tu học tất cả Thiền định Tam muội như đây, nên biết có mười môn tướng thứ lớp, nhiếp lấy đầy đủ sự nghiệp thiền định, có thể làm cho người học thành tựu sự tương ưng mà không làm, không lộn.

Những gì là mười?

- Một là: Tướng phương tiện nhiếp niệm.
  - Hai là: Tướng muốn trụ cảnh giới.
  - Ba là: Tướng biết sự xuất nhập một cách tỏ rõ cảnh giới vừa mới trụ tâm.
  - Bốn là: khéo trụ cảnh giới được vững vàng.
  - Năm là: Tướng mong khởi tư duy phương tiện đồng mãnh, càng cầu sự tiến thủ hơn nữa.
  - Sáu là: Tướng lần lần được điều độ, xứng với hỷ lạc của tâm, trừ mọi nghi ngờ, thêm sự tin hiểu và tự an ủi mình.
  - Bảy là: Tướng chắc được sự thắng tiến, bởi ý chuyên nhất, tương ưng ít phần với khả năng nhận thức.
  - Tám là: Tướng công tu, thêm sáng suốt, công phu thêm vững vàng, được công đức thù thắng, thành tựu sự đối trị vọng tâm.
  - Chín là: Tướng tùy tâm hành giả khởi niệm làm những gì, muốn thị hiện công đức ra ngoài, đều tương ưng với ý mà không sai lầm.
  - Mười là: Tướng nếu muốn tu thêm Pháp khác, nương nơi sở đắc có trước mà khởi phương tiện, sẽ lần lượt thành tựu, xuất nhập tùy tâm, siêu việt một cách tự tại. Đó gọi là mười môn tướng thứ lớp, nhiếp hết sự nghiệp của người tu tập Thiền định.
- Bấy giờ Đại Bồ Tát Kiên Tịnh Tín hỏi Đại Bồ Tát Địa Tạng:

- Ngài vì sao mà khéo nói Pháp sâu xa, có thể khiến chúng sinh lìa sự khiếp nhược?

Ngài Đại Bồ Tát Địa Tạng đáp:

- Này thiện nam tử! Nên biết, người mới phát ý cầu về Đại thừa mà chưa được tín tâm, đối với giáo Pháp sâu xa của đạo Vô Thượng, họ ưa sinh nghi ngờ khiếp nhược, cho nên Ta dùng phương tiện hay khéo, tuyên rõ nghĩa thật để an ủi họ, khiến lìa khiếp nhược. Do đó hiệu của Ta là “Bậc khéo nói an ủi”. An ủi như thế nào? Nghĩa là những chúng sinh căn tính chậm lụt, tâm lượng nhỏ hẹp, nghe sự tối thắng, tối mầu của đạo Vô Thượng, mặc dù ý họ ham thích, phát tâm hướng về, nhưng lại suy nghĩ rằng: Sự cầu đạo Vô Thượng, cần phải chứa công đức rất rộng, tu những hạnh khổ khó làm, phải tự độ, độ tha, trải qua kiếp số dài xa, ở trong sinh tử lâu chịu siêng khổ, mới có thể thành. Vì lý do đó họ sinh khiếp nhược. Ta liền vì họ nói nghĩa



lý chân thật. Nghĩa là nói tất cả các Pháp bản tính tự rỗng rang, rốt ráo vô ngã, không có người làm, không có người thọ, không tự không tha, không đi, không đến, không có phương sở, cũng không quá khứ, hiện tại, vị lai, cho đến vì họ nói mười tám món không. Tất cả các Pháp không có tướng sinh tử Niết Bàn, cũng không có tướng chắc thật có thể nắm bắt. Lại vì họ nói: Tất cả các Pháp như huyễn, như hóa, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, như thành Càn Thát Bà, như tiếng dội trong hang trống, như quán năng, như bọt nước, như sương móc, như đèn lò, như mắt bị nhắm, như mộng, như chớp, như mây nổi đầu non, những phiền não sinh tử tính nó rất yếu ớt, có thể dễ làm cho diệt mất... Lại dạy họ rằng: phiền não sinh tử, rốt ráo không có tự thể, tìm nó chẳng thể được, xưa nay chẳng sinh, thật cũng chẳng diệt, tự nó vắng lặng, chính là Niết Bàn...

Những lời nói như vậy, nhằm phá tất cả mọi sự nhận thức sai lầm, bớt đi sự chấp đắm nơi tự thân tâm, để chúng sinh được lìa khiếp nhược.

Lại có chúng sinh, vì chẳng hiểu ý chỉ nơi lời nói của đức Như Lai mà sinh khiếp nhược. Ý chỉ nơi lời nói của đức Như Lai như thế nào? Đó là: Đức Như Lai đã luôn luôn nhìn thấy cảnh giới Nhất Thật Tướng, rốt ráo lìa khỏi các pháp ác thuộc sinh, lão, bệnh, tử, chúng được Pháp thân của Ngài, Pháp thân này thường hằng không mất, không biến đổi v.v... có sự chứa nhóm vô lượng công đức. Như Lai lại có thể thấy tỏ rõ trong thân của tất cả chúng sinh, đều có sẵn những công đức chân thật, thanh tịnh nhiệm màu, nhưng vì bóng tối nhiễm ô của vô minh che chướng, cho nên từ trước tới giờ luôn luôn chịu vô lượng thứ khổ sinh, già, bệnh, chết. Như Lai ngay đó khởi tâm đại bi, muốn khiến cho tất cả chúng sinh lìa các thứ khổ, đồng gặt hái sự vui đệ nhất của Pháp thân và Pháp thân ấy là Pháp vô phân biệt, lìa tất cả ý niệm. Chỉ có bậc hay diệt tư tưởng hư vọng của thức, chẳng khởi niệm phân biệt, mới có thể chứng nhập.

Chỉ vì tất cả chúng sinh, thường ưa phân biệt, chấp đắm các Pháp, bởi điên đảo vọng tưởng cho nên chịu sống chết triền miên, do đó đức Như Lai muốn cho họ lìa ý tưởng phân biệt chấp trước, cho nên Ngài nói: Tất cả pháp thế gian rốt ráo của nó rỗng rang, không là gì cả, cho đến tất cả những Pháp xuất thế gian, bản thể của nó cũng rốt ráo, rỗng không, không thuộc vào đâu..." Nếu nói rộng ra thì như mười tám Pháp không (44). Sự hiện bày tất cả các Pháp như vậy, đều chẳng lìa thể của Bồ Đề. Thể của Bồ Đề chẳng thể có, chẳng phải không, chẳng phải chẳng có, chẳng phải chẳng không, chẳng phải cả có lẫn không, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải chẳng một, chẳng phải chẳng khác, chẳng phải một lẫn khác, cho đến rốt ráo không một tướng nào có thể nắm bắt, vì nó lìa hết tất cả tướng. Thế nào là lìa hết tất cả tướng? Nghĩa là chẳng thể nương vào lời lẽ để giữ lấy, vì trong Pháp của Bồ Đề, không có sự linh nhận bằng lời lẽ nói năng, và sự nói năng không thể đến được, lại cũng chẳng thể nương vào cái tâm có nghĩ ngợi mà biết được. Trong Pháp Bồ Đề không có "người hay giữ lấy và Pháp để giữ lấy". Không ta, không người vì lìa tướng phân biệt. Nếu còn có sự phân biệt, chính là hư vọng, chẳng gọi là khế hợp với Bồ Đề...

Những lời dạy như thế của đức Như Lai, các chúng sinh căn tính chậm lụt, không

thể hiểu nổi, cho rằng Vô thượng Bồ Đề và Pháp thân của Như Lai chỉ là Pháp trống không, rớt ráo một mực, không có gì hết, do đó mà tâm của họ khiếp nhược, sợ sệt vào chỗ “không được gì cả”. Hoặc họ sinh ra tư tưởng đoạn diệt, khởi nhận thức có tăng có giảm, chuyển sang phỉ báng, khinh mình, khinh người v.v... Để đối trị hạng này, ta liền vì họ nói: Pháp thân Như Lai, tự tính nó chẳng phải ngoan không, mà là có Tự thể chân thật, Thể này đầy đủ vô lượng công đức thanh tịnh, từ vô thi đến giờ, nó tự nhiên tròn đầy, chẳng phải nhờ tu mới có, chẳng phải nhờ tạo mới thành. Cả đến trong thân tất cả chúng sinh cũng đều sẵn đủ, không biến, không đổi, không thêm, không bớt. Những lời nói như vậy, có thể trừ sự khiếp nhược của chúng sinh, đó mệnh danh là “An ủi”.

- Lại nữa, những chúng sinh ngu si chấp chặt, nghe những lời nói như thế, cũng sinh khiếp nhược nữa, vì không hiểu nổi nghĩa này, họ lại chấp rằng Pháp thân của Như Lai từ xưa đến nay đã đầy đủ, chẳng phải là tướng tu tạo, thì đâu có tướng chứng đắc gì, do đó mà họ sinh khiếp nhược, rơi vào hạng tín tà đảo kiến, theo lối của tự nhiên ngoại đạo.

Đối với hạng này, ta liền vì họ nói đến sự tu hành tất cả thiện Pháp, để tăng trưởng sự đầy đủ, mới sinh ra sắc thân Như Lai, được quả báo vô lượng công đức thanh tịnh. Những lời nói như thế, nhằm khiến chúng sinh lìa sự khiếp nhược, đó được mệnh danh là “An ủi”. Những nghĩa sâu thẳm được ta nói ra, khế hợp với lý chân thật, không có các lỗi, bởi lìa lời nói mâu thuẫn của thế gian, làm sao biết tướng lìa lời nói mâu thuẫn?

Bởi vì Pháp thân của Như Lai, mặc dầu không có cảnh giới của lời lẽ, và lìa cả cái tâm tướng niệm, chẳng phải không, chẳng phải bất không, cho đến không có tất cả các tướng, chẳng thể căn cứ vào lời lẽ để chỉ bày, nhưng căn cứ vào Pháp giả gọi đối đãi nhau bởi nhân duyên huyền hóa của thế đế, thì có thể dùng phương tiện chỉ bày để nói. Vì tính của Pháp thân này không phân biệt, lìa cả tướng tự, tướng tha, chẳng phải không, chẳng phải bất không, cho đến lìa hết tất cả các tướng, cho nên nói rằng, bản thể của Pháp thân là rớt ráo rỗng rang, không thuộc vào cái có. Vì khi đã lìa tâm phân biệt rồi, thì tướng niệm hết sạch, bèn không còn một tướng nào cả, nhưng có thể tự thấy, tự biết và tự có tất cả. Thế nên nghĩa không quyết định khế hợp với thật tướng chân như, không hề sai lầm.

- Lại nữa, chính trong nghĩa không đó, do lìa tâm vọng tướng phân biệt, thì sự rớt ráo tận cùng của nó, không một tướng nào có thể nói rằng không. Vì chỉ còn lại một sự chân thật, chính đó gọi là bất không vậy. Lìa tướng niệm của thức, cho nên không có bất cứ một tướng hư ngụy nào, mà là rớt ráo thường hằng chẳng biến, chẳng đổi. Bởi không còn một tướng nào có thể hoại, có thể diệt, cho nên cũng lìa mọi sự tăng giảm.

- Lại nữa, chỗ vô phân biệt của Thật thể Chân như này, từ đời vô thi đến nay, đủ vô lượng chủng tử công đức vô lậu, tự nhiên sẵn có, lúc nào cũng tương ưng, vì nó

không lia, không rời, cho nên nói là bất không. Những công đức chứa nhóm nơi Thật thể Chân như như thế, tất cả chúng sinh đều có sẵn, chỉ vì chúng sinh bị vô minh che lòa, cho nên chẳng biết, chẳng thấy, chẳng thể nào đạt được công đức lợi ích của Pháp thân, đâu khác gì hoàn toàn không có. Nói chưa có là nói những chúng sinh chẳng biết, chẳng thấy về thể của Pháp thân, cho nên bao nhiêu lợi ích của công đức nghiệp, chẳng phải là chỗ những chúng sinh ấy có thể thọ dụng, vì vậy chẳng gọi là thuộc về của họ. Chỉ có nhờ vào sự tu khắp tất cả thiện Pháp, đối trị các thứ nghiệp chướng, nhận ra Pháp thân kia, sau đó mới được những công đức lợi ích. Thế nên nói rằng tu tất cả thiện Pháp, sinh ra sắc thân Như Lai.

- Thiện nam tử! Như hiện nay Ta, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, khi nói về những phương tiện thù thắng và Pháp môn trọng yếu sâu xa này, có mười vạn ức chúng sinh, phát tâm Vô thượng Bồ Đề, trụ bực Kiên Tín. Lại có chín vạn tám nghìn Bồ Tát được Vô sinh Pháp nhẫn. Toàn thể đại chúng, đều dùng hương hoa vi diệu cõi trời cúng dường đức Phật và Đại Bồ Tát Địa Tạng.

Bấy giờ đức Phật bảo đại chúng rằng:

- Các vị mỗi người phải nên thọ trì Pháp môn này, tùy ở chỗ nào, đều làm cho lan rộng. Tại sao vậy?

- Pháp môn như thế này rất là khó gặp, hay làm lợi ích rất lớn. Nếu như người nào, được nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, và tin những lời người nói, nên biết người ấy có thể nhanh chóng lia tất cả mọi sự chướng ngại mau đến Vô thượng Bồ Đề.

Lúc ấy đại chúng đều phát lời rằng:

- Chúng con sẽ thọ trì, lưu thông thế gian, chẳng dám để quên.

Bấy giờ Ngài Đại Bồ Tát Kiên Tịnh Tín bạch Phật:

- Kính bạch Thế Tôn! Những điều được nói trong Khế Kinh Lục Căn Tụ này, tên là Pháp môn gì? Pháp chân yếu này, con sẽ thọ trì, khiến đời sau này, khắp đều được nghe. Đức Phật bảo Ngài Đại Bồ Tát Kiên Tịnh Tín: Pháp môn này gọi là: Chiêm Sát Nghiệp Báo Thiệt Ác; Cũng gọi tên là: Tiêu Trừ Các Chướng. Còn được gọi là: Chỉ Bày Cho Người Cầu Về Đại Thừa Biết Phương Tiện Tiến Đến Và Phát Lộ Nghĩa Thật Rốt Ráo Rất Sâu; Và cũng gọi là: Khéo Nói An Ủi Khiến Lìa Khiếp Nhược Mau Vào Đức Tin Kiên Cố Quyết Định. Y danh nghĩa như thế, Ông nên thọ trì.

Đức Phật nói tên Pháp môn này rồi, tất cả đại hội thấy đều hoan hỷ, tin nhận vâng theo thực hành.

## **KINH CHIÊM SÁT NGHIỆP BÁO THIỆT ÁC**

**Hết quyển hạ**

# CHÚ THÍCH

## KINH CHIÊM SÁT NGHIỆP BÁO THIỆN ÁC

### Quyển thượng

(1) Pháp môn căn tự: Phần xuất xứ của Kinh này, căn cứ trong nguyên bản, thấy ghi là “Rút trong Kinh Lục Căn Tự” (xuất Lục Căn Tự Kinh trung). Chúng tôi tra cứu trong Phật Quang Tự Điển chưa tìm thấy nội dung của Kinh này.

(2) Kiên Tịnh Tín: Tên vị Bồ Tát đã thưa hỏi Phật và Phật để Ngài Đại Bồ Tát Địa Tạng nói Kinh này. Kiên Tịnh Tín có nghĩa là đức tin vững chắc, thanh tịnh. Thật ra chư Đại Bồ Tát không nhất định là tên gì, chỉ tùy theo đức, tùy theo hạnh mà đặt tên. Vị Bồ Tát này muốn cho chúng sinh thành tựu đức tin kiên cố thanh tịnh, cho nên Ngài có tên như vậy.

(3) Sau thời kỳ chính Pháp chấm dứt: Những thuyết nói về thời kỳ Chính Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp có chỗ chẳng đồng. Nay xin lược dẫn một thuyết: sau Phật diệt độ trong vòng 500 đến 1000 năm, thuộc thời giáo Pháp của đức Phật trụ thế, thời kỳ này gọi là thời kỳ Chính Pháp, vì có giáo lý, có người tu hành được chứng quả rất nhiều. Từ 1000 năm sau Phật diệt độ trở đi, gọi là sau thời kỳ chính Pháp chấm dứt.

(4) Tượng Pháp sắp hết: Tượng nghĩa là tựa như, na ná như, là thay đổi sai lệch đi, và Pháp nghi chẳng được thi hành đúng như thuở đầu, do đó mà ít có người chứng Thánh quả. Chỉ có giáo, có hạnh tương tự như Phật Pháp mà thôi, thời kỳ này gọi là thời kỳ Tượng Pháp, cũng khoảng 1000 năm, sau thời kỳ Chính Pháp.

(5) Sang thời Mạt Pháp: Mạt có nghĩa là ngọn cành, là suy vi. Chỉ có giáo lý, mà không có thực hành đúng nghĩa, cho nên hiếm có người chứng quả. Đây là thời kỳ sau Phật nhập diệt 2000 năm trở đi.

(6) Tai họa nhiều lần nổi lên khắp nơi: Đó là những tai nạn thường xảy ra trong nhiều quốc gia trên khắp thế giới, và xảy ra nhiều lần, như tai nạn chiến tranh giữa nước này với nước khác, tai nạn ôn dịch, tai nạn động đất, tai nạn núi lửa, tai nạn bão lụt, tai nạn hạn hán v.v...Làm cho rất nhiều người cùng chết một lúc.

(7) Làm được những điều giống như thiện Pháp: Thiện Pháp được nói ở đây, chính là tu ngũ giới, thập thiện, bát quan trai giới, cho đến những Pháp tu thuộc tứ thiên, bát định. Thời đại hiện nay, có rất nhiều người tu tập những thiện Pháp này, song đa số chỉ cầu phước báu thế gian, nên trong Kinh nói “lấy đó là đích”.

(8) Chẳng thể chuyên tâm tu Pháp xuất yếu: Pháp xuất yếu là những Pháp tu thiết cốt, căn bản để thoát ly hệ phược ba cõi. Đây là những Pháp thiện định được nói đến trong vô số Kinh điển của Phật. Đại thể những Pháp này có thể chia hai: Thiên của

Tiểu thừa, và Thiền của Đại thừa. Về Tiểu thừa Thiền có những Pháp như: quán tứ niệm xứ, quán bất tịnh, quán sô tức, quán từ bi, quán nhân duyên v.v... cho đến 37 phẩm trợ đạo. Những Pháp Thiền của Đại thừa cũng có rất nhiều, xin đơn cử một Pháp như sau: Duy thức quán, Chân như quán, Pháp giới quán, niệm Phật tam muội, Nhất tâm tam quán v.v... Người thực hành những Pháp tu này, một khi đã thành tựu, tức thâm nhập chính định, đoạn trừ các phiền não ba cõi, chứng các quả vị Hiền Thánh, không bị nghiệp lực dẫn sinh trong lục đạo. Do đó gọi là Pháp xuất yếu. Tóm lại, Pháp xuất yếu là con đường quan trọng để giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi.

(9) Người được thiên định, thần thông v.v... hoàn toàn không có: Hiện nay (PL 2540) nhằm thời kỳ Mạt Pháp, cách Phật 25 thế kỷ, những người tu hành trong giáo Pháp của Phật tuy rất nhiều nhưng thành tựu thiên định và năng lực thần thông thì rất hiếm, càng trở về sau này, chắc chắn càng hiếm có hơn nữa, Nơi Kinh Đại Tập, đức Phật đã nói trước rằng: Đòi Mạt Pháp ức ức người tu hành, nhưng ít có người chứng được đạo quả, chỉ nương vào sự niệm Phật A Di Đà mà được tha lực của Phật tiếp độ vãng sinh Thế giới Cực Lạc. Kinh nói hoàn toàn không có, phải chăng là từ sau thế kỷ 21 trở đi, hoàn toàn không có người chứng đạo?

(10) Tượng Mộc Luân: Nguyên chữ Luân nghĩa đen là bánh xe, (là vòng là vũng. Chúng tôi dịch là mảnh gỗ) đó là căn cứ theo hình dáng của miếng gỗ được khắc chạm theo sự chỉ dẫn trong Kinh. Đoạn dưới đức Địa Tạng đã cắt nghĩa chữ Luân, người đọc nhân đây mà nhận rõ hơn. Không dùng chữ “mảnh gỗ” thì khó tìm chữ nào khác để diễn dịch chữ “Luân” này.

(11) Dài dưới một tấc: Một tấc đây là một tấc Tàu. Đơn vị chiều dài một thước Tàu phỏng độ 6m40, một tấc Tàu bằng một phần mười bốn tấc Tây, tức 4cm. Theo hình gỗ được khắc, bề dài cũng là 4cm.

(12) Đức Bồ Tát Địa Tạng đã dạy: “Lại nương tượng này, có thể phá hồng lưới nghi chấp tà trong tâm chúng sinh, chuyển sang đường chính, đến chốn an ổn, nên gọi là Luân”. Đây là cắt nghĩa chữ Luân nói trên.

(13) Nhất vị bình đẳng: Kinh Pháp Hoa nói: “Nhu Lai nói Pháp, một tướng một vị, đó là một tướng giải thoát, một tướng xa lìa, một tướng vắng lặng, rốt ráo đến chỗ nhất thiết chủng trí”. Nơi các Kinh khác cũng nêu lên ví dụ: “Nhu nước biển cả, chỉ một vị mặn, giáo Pháp Như Lai cũng chỉ một vị, đó là vị giải thoát...”

(14) Tay cầm mộc luân: Mộc luân tất cả gồm 19 cái, chia làm 3 nhóm, nhóm thứ nhất có 10 cái, nhóm thứ hai có 3 cái và nhóm thứ ba có 6 cái. Đây là cách nói gieo lần thứ nhất, đem 10 cái đó ghi 10 thiện, 10 ác mà gieo.

(15) Năm thứ dục: Năm món dục lạc ở thế gian mà người đời thường tham đắm, đó là Tài, sắc, danh, thực, thù; 1.Tài: tiền bạc châu báu, của cải vật chất, cho đến nhà cửa ruộng vườn, xe cộ, y phục v.v... 2.Sắc: Nhan sắc, gồm cả thanh (tiếng hay), hương (mùi thơm). 3.Danh: Danh dự, quyền lợi, tiếng khen, dòng họ chủng tộc v.v... 4.Thực: Món ngon vật lạ, cao lương mỹ vị. 5.Thù: Ngủ nghỉ, gồm luôn những

thú vui như ca hát, âm nhạc, các trò tiêu khiển v.v... Người đời thường ưa đắm năm thứ dục lạc này, cho nên khó bề tu hành Thánh đạo. Người xuất gia cũng khó thoát năm thứ dục này, nên khó có người chứng Thánh quả.

(16) Chiêm sát luân tướng lần thứ hai: Đây là gieo nhóm mộc luân thứ hai, gồm 3 cái, có ghi 3 chữ: thân, khẩu, ý. Lời dạy đoạn văn này rất tế nhị. Dịch giả xin góp lời giúp cho người chiêm sát khỏi bị sai lạc, thiếu sót.

Sau khi gieo nhóm mộc luân thứ nhất gồm 10 cái, mà hiện trên mặt gỗ, gồm 10 nghiệp thiện, ác lẫn lộn, ví dụ như: Sát sinh, thâu đạo, bắt tà dâm (3 nghiệp của thân) Bắt vọng ngữ, bắt lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ (4 nghiệp của miệng) Tham ái, bất sân nhuế, ngu si. (3 nghiệp của ý)

Người gieo muốn biết tính chất các nghiệp bất thiện nói trên là nặng hay nhẹ, phải tiên gieo từng mảnh gỗ trong 3 luân của nhóm 2. Ví dụ, nghiệp phát hiện nơi thân là Sát sinh, thâu đạo, trọng tâm là hai nghiệp này thuộc nơi thân, thì lấy mộc luân có chữ thân gieo xuống. Nếu mộc luân chữ thân hiện ở mặt trước là nét khắc sâu và dài, đó là biểu hiện hai nghiệp ác này rất nhiều, sâu dày. Nhưng nếu hiện ra nét bạc dài, đó là điều không tương ứng cần phải sám hối gieo lại. Tiếp theo đó, xem hai luân được phát hiện của khẩu nghiệp là ác khẩu, ý ngữ, muốn biết sự sâu cạn của hai nghiệp này, thì gieo mộc luân có chữ khẩu. Nếu mộc luân hiện ra nét khắc ngắn cạn, đó là nghiệp ác khẩu, ý ngữ nhẹ. Nhưng nếu hiện ra nét bạc dài, hoặc ngắn (biểu hiện thiện nghiệp dày hoặc mỏng) thì không tương ứng, phải sám hối phát nguyện gieo lại. Đến như Luân của ý cũng như vậy. Nếu thấy ý nghiệp được phát hiện là tham ái, ngu si, thì lấy riêng mộc luân có chữ ý mà gieo.

(17) Riêng xưng danh thêm: Xưng danh thêm, ở đây là xưng niệm danh hiệu đức Đại Bồ Tát Địa Tạng. Nghĩa là xưng niệm: Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát, xưng niệm một vạn câu, hai vạn câu v.v...sau đó chí thành đảnh lễ Ngài.

(18) Mộc luân thuộc lớp thứ hai: Lối gieo lần này không phải như lần trước. Gieo nhóm thứ hai như lần trước, thì gieo từng cái. Đến đây sau khi đã sám hối một thời gian nào đó, muốn biết ba nghiệp thanh tịnh lại chưa, cho nên phải gieo 3 luân một lúc.

(19) Phóng ra ánh sáng để vì chứng minh: Điều này trong Kinh Luật Đại thừa như Kinh Phạm Võng cũng dạy rõ. Hành giả có những tội nặng như mười điều ác, bốn trọng cấm, nếu thành tâm sám hối từ 14 ngày, 21 ngày, 3 tháng, 6 tháng, đến khi nằm mộng thấy Phật, Bồ Tát đến xoa đảnh an ủi, thấy ánh sáng lạ, thấy hoa báu... Đó là triệu chứng tội đã được tiêu diệt.

(20) Quả vị Sa môn: Đây là đạo quả mà những vị Tỳ kheo thuộc Thanh Văn thừa có thể thành tựu. Bậc Thanh Văn thừa một khi dụng công tu hành đúng Pháp có thể chứng các quả vị như Tu đà hoàn, Tu đà hàm, A na hàm, A la hán. Đến quả A la hán là dứt hết kiết sử phiền não trong ba cõi, thoát ly mọi sự sinh tử trong Tam giới.

(21) Thiên ma Ba Tuần: Ba Tuần là tên của Ma vương, chúa tể cõi trời Tha hóa Tự tại. Theo lời trong Kinh điển Phật giáo, thì ma vương này có những quyền năng lôi cuốn bó buộc chúng sinh chìm đắm những thú dục lạc thế gian. Những người tu hành muốn thoát khỏi sinh tử luân hồi, thường bị ma vương này phá hoại đủ cách.

(22) Chín mươi lăm thứ tà sư ngoại đạo: Nguyên là 96 thứ ngoại đạo, trừ bớt một phái còn 95. Ở Ấn Độ trước và sau Phật xuất hiện, có sáu phái ngoại đạo. Sáu lưu phái này, đạo sư mỗi phái có 15 đệ tử, mỗi đệ tử sau lập ra mỗi lưu phái riêng, tổng cộng là 96 phái. Sáu đạo sư gốc là: 1. Phú Lan Na Ca Diếp. 2. Mạt Già Lê Câu Xa Lê Tử. 3. San Xà Da Tỳ La Chi Tử. 4. A Tỳ Đa Xí Xá Khâm Bà La. 5. Ca La Cựu Đà Ca Chiên Diên. 6. Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử. Trong 96 thứ đạo này, về sau có một phái nhập chung với Phật giáo, đó là phái Độc Tử, còn vào 95 phái bộ. Một thuyết khác nói trong 96 phái ngoại đạo thì giáo nghĩa của phái Ni Kiên Tử ngoại đạo gần với Phật Pháp, cho nên trừ phái này ra, còn lại 95 phái.

(23) Năm món cái: Cái có nghĩa là che lấp. Năm Pháp hay che lấp tâm tính sáng suốt, làm cho chẳng sinh thiện Pháp gọi là ngũ cái. 1. Tham dục: Ham đắm dục lạc thế gian, cho nên che lấp chân tính. 2. Sân nhuế: Giận dữ đối với cảnh nghịch mà che lấp chân tính. 3. Thụỵ miên: Tâm thần mê muội, thân xác nặng nề không sử dụng tu tập nỗ lực, làm cho chân tính bị che lấp. 4. Trạo hối: Tâm thức chao động gọi là trạo, lo lắng phiền não về những việc đã làm gọi là hối, đến mức độ che lấp chân tính. 5. Nghi ngờ: Đối với chính Pháp mà do dự không quyết đoán, không đặt trọn niềm tin, do đây che lấp chân tính. Lại nữa, tất cả mọi thứ phiền não hay làm che lấp chân tính, cho nên cũng gọi là cái.

(24) Ba la đề mộc xoa: Dịch là Biệt giải thoát hoặc Xứ xứ giải thoát. Đó là giới luật mà bảy chúng đệ tử của Phật tiếp nhận, đều có mục đích giải thoát. Ba la đề mộc xoa của giới Tăng Ni xuất gia có sự nhiều ít khác nhau. Tỳ kheo ni có 348 giới và Tỳ kheo tăng có 250 giới.

(25) Tương ứng với Pháp: Pháp ở đây là chân Pháp, là sự vắng lặng của nội tâm, do thực hành Pháp tu, Pháp sám hối lâu ngày, nhiều ngày, đưa đến trạng thái lắng đọng các vọng niệm, những phiền não thô không dấy khởi mãnh liệt nữa, đức tin nơi chính Pháp nhiệm mầu của chư Phật đã được thành tựu, không còn nghi ngờ thoái chuyển nữa... Như thế gọi là tương ứng với Pháp. Người sám hối mà được những kết quả như vậy, thì những tội nặng đã diệt, sẽ không mắc những quả báo nặng nề trong các ác đạo.

(26) Hoặc nghịch, hoặc thuận, chẳng nghịch chẳng thuận: Đây là ba loại cảm thọ của sáu giác quan, nếu gọi bằng danh từ khác sẽ là: Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Nghĩa là cảm giác khổ, vui, chẳng khổ chẳng vui. Khi các giác quan này tiếp

xúc với cảnh, thường sinh ba thứ cảm thọ này. Căn đối với cảnh có sự ưa thích bèn khởi ra cảm thọ vui, gọi là lạc thọ. Căn đối với cảnh chán ghét, liền khởi ra ý tưởng chẳng bằng lòng, gọi là khổ thọ, hay vô ký.

(27) Bốn phạm hạnh: Còn gọi là bốn Phạm trụ, tức bốn vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Bốn tâm này là nghiệp hạnh để sinh về cõi Phạm thiên, cho nên gọi là Phạm hạnh.

## CHÚ THÍCH

# KINH CHIÊM SÁT NGHIỆP BÁO THIÊN ÁC

### Quyển hạ

(28) Lòng tin và sự hiểu biết: Đây là nói đến các vị Bồ Tát sơ phát tâm, và các Bồ Tát thuộc Tam hiền. Lòng tin là nói hàng Thập tín. Sự hiểu biết là nói bậc Giải hạnh phát tâm. Hiểu biết thực hành mà phát tâm. Bậc Giải hạnh phát tâm gồm có 30 ngôi vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng.

Về Thập Tín, theo Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp, nêu 10 thứ tâm như sau:

- 1. Tín tâm:** Một lòng quyết định ưa muốn thành tựu.
- 2. Niệm tâm:** Thường tu sáu niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên.
- 3. Tinh tiến tâm:** Nghe tụng Pháp Bồ Tát, tinh cần tu tập thiện nghiệp không gián đoạn.
- 4. Định tâm:** Đối với sự, đối với nghĩa, buộc tâm an trú, xa lìa tất cả hư ngụy, khinh tháo, lìa nhớ tưởng phân biệt.
- 5. Huệ tâm:** Nghe tụng Pháp Bồ Tát, suy lường quán sát, biết tất cả Pháp không ta không người, tự tính rỗng lặng.
- 6. Giới tâm:** Thọ trì Luật nghi thanh tịnh của Bồ Tát, thân, khẩu, ý thanh tịnh, chẳng phạm các lỗi, có phạm liền sám hối.
- 7. Hồi hướng tâm:** Tu được căn lành nào đều hồi hướng Bồ đề, không nguyện hưởng quả báo nơi các cõi, hồi hướng cho chúng sinh, chẳng chuyên vì mình, không vương mắc danh tướng.
- 8. Hộ pháp tâm:** Phòng hộ tâm mình, chẳng khởi phiền não và tu năm thứ hộ tâm.



**9. Xả tâm:** Chẳng tiếc thân mạng, tài sản, những gì có được thường hay thí xả.

**10. Nguyện tâm:** Tùy lúc mà tu tập các thứ tịnh nguyện.

Lại như Ngài Cưu Ma La Thập dịch Kinh Nhân Vương, ở quyển thượng nơi Phẩm Bồ Tát giáo hóa, trình bày 10 thứ tâm là: Tín tâm, tinh tấn tâm, niệm tâm, huệ tâm, định tâm, thí tâm, giới tâm, hộ tâm, nguyện tâm, hồi hướng tâm, lấy đó làm 10 thứ tâm thuộc tập chủng tính.

Kinh Phạm Võng quyển thượng trình bày 10 tâm là: Xả tâm, giới tâm, nhẫn tâm, tiến tâm, định tâm, huệ tâm, nguyện tâm, hộ tâm, hỷ tâm, đỉnh tâm. Lấy 10 tâm này gọi là Thập phát thú tâm trong bậc Kiên Tín nhẫn. Ngoài ra còn một vài thuyết nữa, chúng tôi xin lược bớt. Về phần Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng, sẽ chú thích ở đoạn sau.

(29) Tình trạng vô ký: Những người tu thiền định thường có ba trạng thái trong lúc dụng công, đó là Hôn trầm, Tán loạn, Vô ký. Hôn trầm nghĩa là bị buồn ngủ, ngủ gục, tâm trí không kiểm soát tư tưởng. Tán loạn: Trong lúc chuyên chú theo dõi nội tâm nhưng nhiều loại vọng tưởng khởi lên liên tục, làm cho tâm không định tĩnh được. Vô ký: Nghĩa là không bị hôn trầm, tán loạn, nhưng vọng niệm sinh khởi hành giả không phân biệt là đúng với Pháp tu hay chẳng đúng với Pháp tu, như thế gọi là vô ký.

(30) Xa ma tha: Dịch là chỉ. Đó là Pháp tu chỉ, là sự tu nhiếp tâm trụ vào một duyên, xa lìa mọi tán loạn, chỉ là tên gọi khác của định, có nghĩa là tịch tĩnh. Đối với phép nhiếp tịnh, tâm không bị vọng duyên.

(31) Tỳ bát xá na: Dịch là quán, là kiến, là chủng chủng quán sát. Dùng trí tuệ quan sát giản trạch các Pháp. Quán là tên khác của huệ, ở quả gọi là huệ. Cũng như: Chỉ là nhân, Định là quả. Hai pháp Chỉ Quán này người tu Phật phải vận dụng cả hai trong khi tu tập thiền định, vận dụng cùng một lúc, không phải trước sau gì cả.

(32) Kiên Tín: Như đã giải sơ ở phần chú thích số 28. Các vị Bồ Tát sơ phát tâm thành tựu 10 đức tin mà được vào bậc Thập trụ, gọi là Tập chủng tính. Đến đây đức tin về Đại thừa đã vững chắc, không bị lay chuyển, cho nên gọi là Kiên Tín.

(33) Tám chỗ nạn: Sở dĩ gọi nạn là vì không gặp Phật, không nghe Pháp, không được sự giáo hóa của Hiền Thánh Tăng. Tám nạn là: Ba đường ác: Địa ngục, ngã quỷ, súc sinh. Thứ tư là Bắc Câu Lô Châu, vì người ở châu này sung sướng nhưng không có Phật Pháp lưu thông. Thứ năm là Thường Thọ Thiên, Thọ mạng thiên chúng ở các cõi trời Sắc giới rất lâu dài, nhưng khi hết phước báu bèn sinh xuống các cõi dưới, cho nên cũng khó tu Phật Pháp. Thứ sáu là đui điếc câm ngọng. Thứ bảy là Thế trí biện thông, đây là những người ỷ vào kiến thức đời nên không tin không tu Phật Pháp. Tám là sinh trước khi Phật ra đời và sinh sau khi Phật nhập diệt đã lâu xa. Tám điều trên đây khiến chúng sinh không giác ngộ, không giải thoát được, nên gọi là nạn.

(34) Theo danh hiệu vị Phật ở thế giới đó: Đây là Pháp trì danh hiệu Phật để được nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn cũng được gọi là Nhất hạnh Tam muội. Kinh Văn Thù Sư Lợi nói Bát Nhã dạy rằng: Muốn được Nhất hạnh Tam muội thì tùy đức Phật ở phương nào, nên ngồi xoay mặt về phương ấy mà xưng niệm danh hiệu của Ngài không cho gián đoạn, tức có thể được nhất tâm bất loạn, khi được nhất tâm rồi, có thể tùy nguyện vãng sinh về thế giới của đức Phật ấy.

(35) Tín nhẫn: Một trong sáu nhẫn Pháp, tương ứng với giai vị của Bồ Tát. Các vị Bồ Tát bậc Thập trụ của Biệt giáo tu tập Pháp quán không, tin tất cả các Pháp đều rỗng lặng, đối với Pháp không, có thể nhẫn, có thể chứng, cho nên gọi là Tín nhẫn.

(36) Kiên tu: Một trong sáu Kiên Pháp của các giai vị Bồ Tát. Kiên tu là chỉ cho giai vị Bồ Tát Thập Hồi Hướng của Biệt giáo, các bậc này tu tập Pháp Trung quán, rõ biết tất cả Pháp, không Pháp nào chẳng là trung đạo, không thế nào hủy hoại, do đó bậc Thập Hồi Hướng gọi là Kiên tu.

(37) Thuận nhẫn: Một trong năm nhẫn của các giai vị Bồ Tát gồm 42 địa vị. Năm nhẫn là: Phục nhẫn, Tín nhẫn, Thuận nhẫn, Vô sinh nhẫn và Tịch diệt nhẫn. Bốn nhẫn trước mỗi nhẫn có thượng, trung, hạ thành ra 12 nhẫn. Nhẫn thứ năm (Tịch diệt nhẫn chia làm hai, là thượng và hạ). 1. Phục nhẫn: các vị Bồ Tát tiền địa (Tam hiền) chưa được trí tuệ vô lậu, phiền não chưa đoạn, chỉ thể hàng phục trụ địa phiền não, làm cho chẳng khởi mà thôi (chưa thể diệt). Trong đó Thập Trụ thuộc về Phục nhẫn bậc hạ. Thập Hạnh thuộc về Phục nhẫn bậc trung. Thập Hồi hướng thuộc Phục nhẫn bậc thượng. 2. Tín Nhẫn: Bồ Tát từ sơ địa trở lên, được Vô lậu tín, tùy thuận không nghi, trong đó Sơ địa là Hạ phẩm, Nhị địa là Trung phẩm, Tam địa là Thượng phẩm tín nhẫn. 3. Thuận nhẫn: Bồ Tát thuận Vô thượng Bồ đề đạo, hướng đến vô sinh quả, trong đó đệ tứ địa là Hạ phẩm Thuận nhẫn, ngũ địa là Trung phẩm, Lục địa là Thượng phẩm của Thuận nhẫn. 4. Vô sinh nhẫn: Bậc Bồ Tát đã hết vọng hoặc, biết rõ tất cả Pháp đều chẳng sinh, trong đó Thất địa là Hạ phẩm, Bát địa là Trung phẩm, Cửu địa là Thượng phẩm của Vô sinh nhẫn. 5. Tịch diệt nhẫn: các hoặc đã hết, thanh tịnh vô vi, lòng trong lặng lẽ, trong đây Thập địa là Hạ phẩm, Phật quả là Thượng phẩm (Kinh Nhân Vương, Kinh Bát Nhã...)

(38) Chánh chân vị: Chỉ cho bậc đã đạt ngộ Pháp tính, đã phục diệt phiền não. Đó là bậc Bồ Tát Thượng địa, từ Sơ địa trở lên đến Thập địa.

(39) Vô sinh nhẫn: Như đã giải ở đoạn trên.

(40) Tập chủng tính: Gọi đủ là Tập sở thành chủng tính. Phạn Samudānitam gotram, gọi tắt là Tập chủng. Chỉ cho chủng tính trước đó chưa có mà sau này tu được, cũng chính là huân tập. Chủng tính do tu các thiện Pháp mà được thành. Tập chủng tính thường được gọi chung với tính chủng tính, hai chủng tính này trong các Kinh Luận có nhiều chỗ đề cập đến, như Luận Đại thừa Khởi tín gọi nó là Bản giác với Thủy giác. Thành duy thức luận lại nói là: Chủng tử sẵn có với chủng tử mới huân. Nghĩa là tính Phật sẵn có phát ra chủng tử vô lậu, phát ra bên ngoài, làm cái nhân huân tập trở vào bên trong, cho nên gọi là Bản giác và Thủy giác. Đây cũng tiêu biểu giai vị

tu hành của Bồ Tát. Kinh Nhân Vương, Kinh Bát Nhã nói đến ba chủng tính là Tập chủng tính, tính chủng tính, Đạo chủng tính. Ý theo thứ tự có thể phối với giai vị tu hành của Bồ Tát Đại thừa là Thập tín tâm, Thập trụ tâm, Thập hạnh tâm. Lại như Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bồ Nhiếp quyền thượng lập danh thì có: Tập chủng tính, Tính chủng tính, Đạo chủng tính, Thánh chủng tính, Đẳng giác tính, Diệu giác tính. Ý thứ tự có thể phối với Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác. Tóm lại Tập chủng tính là nói về 10 giai vị của Bồ Tát thuộc Thập trụ.

(41) Giải hạnh: Từ ngữ này để chỉ các bậc Bồ Tát thuộc Tam hiền, tức Thập trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi hướng. Các Ngài vừa hiểu biết Chính Pháp của Phật một cách sâu sắc, luôn luôn tu tập ba Pháp quán không quán, giả quán và trung đạo quán, và thực hành sáu ba la mật (thí, giới, nhẫn, tấn, thiền, trí) cho nên gọi là giải hạnh.

(42) Tịnh tâm địa: Đây là bậc thứ nhất trong Thập địa, cũng gọi là sơ hoan hỷ địa. Thập địa còn gọi là Thập thánh. Khi Bồ Tát tu hành đến mãn Thập hồi hướng là qua A tăng kỳ kiếp, có thể chứng vào bậc Tịnh tâm địa này. Đến đây là chứng nhập Pháp thân thanh tịnh, phá từng phần căn bản vô minh tiến lên các địa sau và thành tựu diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn.

(43) Cứu cánh địa: Chỉ cho bậc Bồ Tát từ Đẳng giác đến Diệu giác (Phật). Theo cấp bậc tu hành của Bồ Tát thuộc Viên giáo thì đến đây Bồ Tát đã phá xong vô minh phẩm thứ 42, chứng được Thật tướng các Pháp một cách rõ ràng. Chữ cứu cánh có nghĩa là đến chỗ chí cực, Lý và Thể không hai.

(44) Mười tám Pháp không: Phạm Astadasa sunyatah. Vì để phá các thứ tà kiến, đức Phật nói về 18 Pháp không: 1. Nội không; 2. Ngoại không; 3. Nội ngoại không; 4. Không không; 5. Đại không; 6. Đệ nhất lớn của phương pháp này chẳng thể nghĩ bàn, tuyệt đối không một phương pháp bói quẻ nào của thế gian có thể theo kịp.

## II. CHỨNG LOẠI CỦA MỘC LUÂN:

Hộp mộc luân của Kinh Địa Tạng Chiêm Sát này có 19 cái (19 mảnh gỗ) chia làm 3 nhóm để sử dụng.

A. Nhóm mộc luân thứ nhất: Gồm có mười cái, chia làm mười thiện, mặt sau là mười bất thiện nghiệp. Mười nghiệp thiện, mười nghiệp ác này thuộc ba bộ phận: Thân, Khẩu, Ý nghiệp, có thể chỉ rõ chủng loại thiện nghiệp, ác nghiệp trong những đời trước.

## MẶT CHÍNH

Bát Sát Sinh	Bát Thâu Đạo	Bát Tà dâm	Bát Vọng Ngữ	Bát Lương Thiệt	Bát Ác Khẩu	Bát Ý Ngữ	Bát Tham Ái	Bát Sân Nhuế	Bát Ngu Si
不殺生	不偷盜	不邪淫	不妄語	不兩舌	不惡口	不綺語	不貪愛	不瞋恚	不愚痴
Sát Sinh	Thâu Đạo	Tà dâm	Vọng Ngữ	Lương Thiệt	Ác Khẩu	Ý Ngữ	Tham Ái	Sân Nhuế	Ngu Si
殺生	偷盜	邪淫	妄語	兩舌	惡口	綺語	貪愛	瞋恚	愚痴

----- THÂN (3)----- | ----- KHẨU (4) ----- | ----- Ý (3) -----

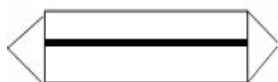
B. Nhóm mộc luân thứ hai: Gồm có 3 cái, chia làm: Thân, Khẩu, Ý. Có thể chiêm sát mười điều thiện, mười điều ác, để biết tính chất mạnh hay yếu của mỗi nghiệp. Dưới đây là hình dạng 4 mặt của mỗi mộc luân thuộc thân khẩu ý.



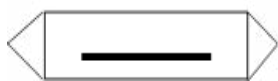
Đường chỉ bạc dài, tiêu biểu nghiệp lành rất lớn.



Đường chỉ bạc ngắn, tiêu biểu nghiệp lành nhỏ yếu.

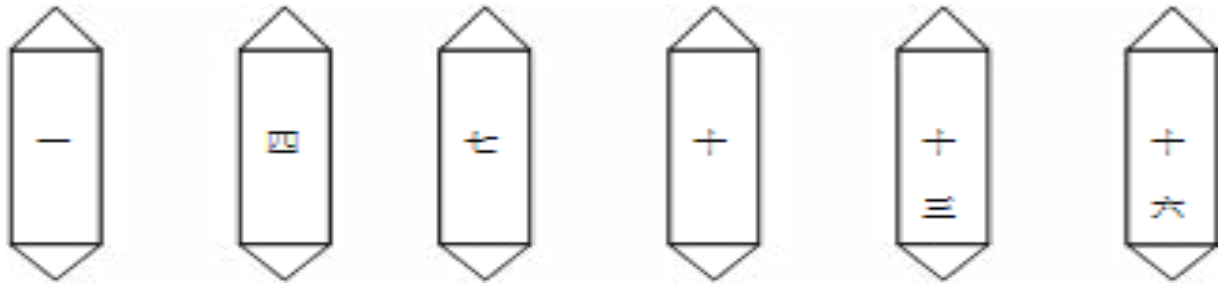


Nét khắc sâu dài, tiêu biểu nghiệp ác lớn.



Nét khắc cạn ngắn, tiêu biểu nghiệp ác nhỏ.

C. Nhóm mộc luân thứ ba: Gồm có 6 cái, trên mỗi mộc luân có ba mặt chữ số và một mặt để trống, đánh số 1 đến mười tám (biểu trưng cho sáu căn, sáu trần, sáu thức), có thể xem xét tất cả việc xuất thế, nhập thế, quá khứ, hiện tại, vị lai.



Các số dịch sang tiếng Việt:

一	1	七	7	十三	13
二	2	八	8	十四	14
三	3	九	9	十五	15
四	4	十	10	十六	16
五	5	十一	11	十七	17
六	6	十二	12	十八	18

### III. SỬ DỤNG TỪNG BƯỚC PHÁT HIỆN MỘC LUÂN:

Trước khi sử dụng phương pháp chiêm tướng mộc luân, cần phải lễ lạy chư Phật, Bồ Tát và Ngài Địa Tạng, rồi kiên thành tu Pháp sám hối, phát nguyện hồi hướng (y theo Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo mà tu sám). Có 3 cách để chiêm sát các luân tướng hiện ra.

1. Sử dụng nhóm mộc luân thứ nhất (10 cái, lấy mỗi cái trong mười luân bắt đầu gieo xuống, có thể hiện rõ trạng thái nghiệp báo của mười điều thiện hoặc mười điều ác. Ví dụ khi gieo xuống, theo thứ tự trước sau, hiện ra như vậy:

Bất Sát Sinh	Bất Thâu Đạo	Tà dâm	Bất Vọng Ngữ	Lưỡng Thiệt			Tham Ái	Sân Nhuế	Ngu Si
不殺生	不偷盜	邪淫	不妄語	兩舌			貪愛	瞋恚	愚痴

Nếu là tướng như vậy, biểu hiện tổng quát người được xem, có đủ nghiệp ác như: Tà dâm, lưỡng thiệt, tham ái, sân nhuế, ngu si. Lại có được nghiệp thiện, là không sát sinh, không trộm cắp, không vọng ngữ. Riêng ác khẩu và ý ngữ chẳng hiện. Như vậy là biểu thị chúng tử nghiệp lực thiện ác còn chưa chín mùi. Đợi đến ngày sau, đủ sự huân tập bởi nhân bên trong và duyên bên ngoài, mới có thể hiện rõ quả báo.

Ghi chú: Kết quả đơn cử tuy đã có, còn phải tiến một bước nữa để thẩm tra đúng hay sai, đối với tình huống thực tế có phù hợp hay không. Lấy ví dụ như đối tượng được xem, một đời nhiều tật bệnh đến nỗi đoản mạng chết sớm, thì tham chiếu nghiệp nhân của mười thiện mười ác (được gieo lần thứ nhất), chủng loại quả báo như thế nào đó mà thuyết minh, có thể biết nghiệp nhân đời trước của người đó; Phải đủ nghiệp sát sinh (mới bị quả báo chết non). Hễ một luân gieo hiện ra “bất sát sinh” cố nhiên là mâu thuẫn. Đó là không khế hợp với Bồ Tát. Vậy cần phải lễ bái một lần nữa, sám hối rồi bắt đầu gieo lại. Hoặc niệm Phật, hoặc tu định, để tâm được bình tịnh rồi mới thành tâm chiêm sát một lần nữa.

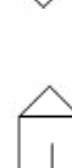
2. Nếu mười luân nhóm thứ nhất đã được tương ứng rồi, tướng cần phải tiến một bước nữa, để hiểu rõ một thứ nghiệp lực của người nọ là mạnh hay yếu. Có thể dùng nhóm một luân thứ hai (3 cái) trắc nghiệm, để biết từng bộ phận thân, miệng hay ý.

Ví dụ như muốn biết nghiệp ngu si của người kia là nặng hay nhẹ, cần phải lấy riêng một luân ý ra để gieo quả (vì nhân của ngu si thuộc ý nghiệp).

Nếu muốn biết nghiệp lưỡng thiệt (nói lười dối chiều) thì lấy riêng ra một luân “khẩu” (lưỡng thiệt thuộc về khẩu).

Nếu trong 10 luân trước đã hiện ra ngu si (tham sân si mà gieo một luân ý hiện ra nét khắc dài, tức biểu hiện người ấy đại ngu si).

Nếu hiện ra nét khắc ngắn, tiêu biểu người ấy ngu si nhẹ, hoặc ít.



Nhưng nếu được nét chỉ bạc dài, hoặc đường chỉ bạc ngắn đó là mâu thuẫn, vì đường chỉ bạc dài và ngắn tiêu biểu nghiệp thiện thiện lớn hoặc nhỏ, dày hoặc mỏng), tức chẳng khế hợp với Bồ Tát, nên tu lễ sám hối một lần nữa, sau đó mới chiêm quẻ lại.

Nếu muốn biết các việc xuất thế, nhập thế, quá khứ, hiện tại, vị lai, có thể lấy đơn độc nhóm mộc luân thứ ba để chiêm quẻ (6 cái). Dem sáu cái mộc luân gieo xuống một lần, rồi cộng tất cả số thành lần thứ nhất đó

lại. Kế gieo lần thứ hai, cộng số thành lần này và gieo một lần thứ ba nữa, cũng cộng số thành lần thứ ba. Lấy ba lần số thành đã ứng hiện cộng chung lại, đối chiếu với việc muốn xem tức được biết rõ.

Ví dụ như, muốn biết tình trạng bệnh hoạn nơi thân thể mình như thế nào, và gieo ba nhóm, mộc luân, ba lần như vậy được kết quả:

### gieo lần thứ nhất

$$\begin{array}{cccccc} \begin{array}{|c|} \hline 3 \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline 6 \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline 9 \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline 12 \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline 18 \\ \hline \end{array} & = & 48 \end{array}$$

### gieo lần thứ hai

$$\begin{array}{cccccc} \begin{array}{|c|} \hline 3 \\ \hline \end{array} & \begin{array}{|c|} \hline 6 \\ \hline \end{array} & \begin{array}{|c|} \hline 3 \\ \hline \end{array} & \begin{array}{|c|} \hline 11 \\ \hline \end{array} & \begin{array}{|c|} \hline 14 \\ \hline \end{array} & \begin{array}{|c|} \hline 17 \\ \hline \end{array} \\ + & + & + & + & + & + & = & 51 \end{array}$$

### gieo lần thứ ba

$$\begin{array}{cccccc} \begin{array}{|c|} \hline 3 \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline 3 \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline 7 \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline 10 \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline 13 \\ \hline \end{array} & + & \begin{array}{|c|} \hline 16 \\ \hline \end{array} & = & 49 \end{array}$$

**Tổng số thành ba lần gieo là: “48+51+49 = 148”**

Hãy tra cứu trong Kinh, đoạn nói về số 148 trong 189 điều, thì sẽ thấy rằng: “thấy (xem) bệnh đang mắc có thể trị liệu”. Như vậy việc chiêm tướng cho người đang mắc bệnh, có thể trị lành.

Nếu xem tình trạng người đang mắc bệnh, và ba lần gieo, tổng số là 119. Với số này trong Kinh ghi là “Vua vô đạo cho nên nước tai nạn lớn”. Thế là đáp số của câu hỏi không được tương ứng, ắt phải tu sám lại, rồi chiêm quẻ một lần nữa.

## **KẾT LUẬN:**

Kinh “Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo” được đức Phật và Bồ Tát Địa Tạng tuyên nói, ý nghĩa của Kinh rộng rãi tinh mật sâu xa vô cùng. Người muốn dùng mộc luân để chiêm quẻ, phải nên luôn luôn áp dụng đúng theo lời dạy. Lại cần phải đọc trước cho rành rẽ Bản Kinh, thì sự chiêm sát tất nhiên càng linh nghiệm.

## **LỜI DỊCH GIẢ**

Bảng chỉ dẫn gồm 7 trang này nguyên bằng chữ Hán, được kèm theo bộ Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Sau khi dịch xong bộ Kinh, nếu không có bản hướng dẫn này, thì người muốn chiêm sát cũng khó biết sử dụng hộp mộc luân gồm 19 thẻ, cho nên chúng tôi dịch ra Việt ngữ, để những vị muốn chiêm sát được biết một cách rõ ràng.

Dịch giả cũng xin lưu ý cùng chư vị muốn sử dụng Mộc luân để chiêm sát thiện ác nghiệp báo, hãy nên thận trọng, chỉ nên xem những việc chính đáng, có lợi ích cho sự tu hành của mình và người. Những việc xét không cần thiết, thì không nên sử dụng nhiều. Bởi vì phải sám hối, lập nguyện, tùy hỷ công đức và hồi hướng Pháp giới, rồi mới chiêm quẻ kiết hung, nếu tâm niệm bị tạp loạn, thì việc chiêm sát chắc chắn sẽ không mấy tương ứng, làm cho người được xem mất niềm tin, trở lại nghi ngờ lời dạy của Phật, Bồ Tát.

Kính mong quý vị lưu ý cho điều này!

**NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT!**

**Dịch giả cần chí!**

**HT.THÍCH THIỆN THÔNG.**